SAMSUNG

Sổ tay Hướng dẫn Sử dụng

UD46E-A UD46E-C UD46E-B UD55E-B

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến hoạt động, các thông số kỹ thuật có thể sẽ được thay đổi mà không cần thông báo trước.

Mục lục

Mục lục

Mục lục

Hỗ trợ

Hướng dẫn xử lý sự cố

Các thông số kỹ thuật

Phụ lục

Chương 01
Trước khi sử dụng sản phẩm

Bản quyền

Nội dung của sách hướng dẫn này có thể thay đổi để cải thiện chất lượng mà không cần thông báo.

Lưu ý an toàn

Thận trọng

NGUY CƠ ĐIỆN GIẬT, KHÔNG MỞ

Thận trọng : ĐỂ GIẢM THIỂU NGUY CƠ ĐIỆN GIẬT, KHÔNG THÁO NẮP MÁY. (HOẶC LƯNG MÁY)

NGƯỜI SỬ DỤNG KHÔNG THỂ BẢO DƯỠNG CHI TIẾT NÀO BÊN TRONG.

HÃY CHUYỂN TẤT CẢ CÔNG VIỆC BẢO DƯỠNG CHO NHÂN VIÊN ĐỦ TRÌNH ĐỘ.



Biểu tượng này cho biết có điện áp cao bên trong.

Tiếp xúc với bất kỳ chi tiết nào bên trong sản phẩm này đều rất nguy hiểm.



Biểu tượng này báo cho bạn biết rằng tài liệu quan trọng liên quan đến hoạt động và bảo trì đã được đưa vào sản phẩm này.

Biểu tượng

Cảnh báo

Có thể xảy ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu không tuân theo các hướng dẫn.

Thận trọng

Có thể xảy ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại tài sản nếu không tuân theo các hướng dẫn.



Các hoạt động được đánh dấu bằng biểu tượng này là bị cấm.



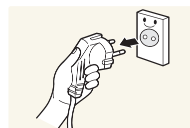
Phải tuân thủ các hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này.

Làm sạch

― Hãy cẩn thận khi làm sạch vì màn hình và bên ngoài của các LCD tiên tiến dễ bị trầy xước.

― Tiến hành các bước sau khi làm sạch.

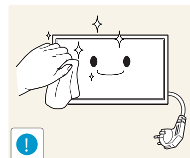
― Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.



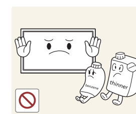
1 Tắt nguồn sản phẩm và máy tính.

2 Rút dây nguồn khỏi sản phẩm.

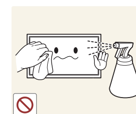
― Giữ cáp nguồn ở phích cắm và không chạm vào cáp với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.



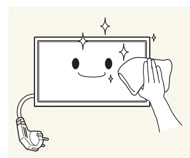
3 Lau sản phẩm bằng miếng vải sạch, mềm và khô.



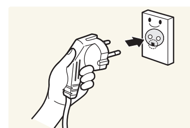
- Không sử dụng chất làm sạch có chứa cồn, dung môi hoặc các chất có hoạt tính bề mặt.



- Không phun nước hoặc chất làm sạch trực tiếp lên sản phẩm.



4 Làm ướt miếng vải mềm và khô với nước rồi vắt kỹ để lau bên ngoài sản phẩm.



5 Cắm dây nguồn vào sản phẩm khi kết thúc quá trình làm sạch.

6 Bật nguồn sản phẩm và máy tính.

Lưu trữ

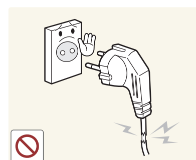
Do đặc tính của các sản phẩm có độ bóng cao, việc sử dụng máy làm ẩm UV ở gần có thể tạo ra các vết ố màu trắng trên sản phẩm.

― Liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng nếu cần làm sạch bên trong sản phẩm (phí dịch vụ sẽ được áp dụng).

Điện và an toàn

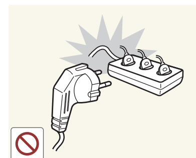
― Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.

Cảnh báo



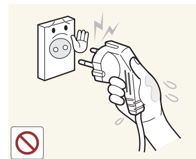
Không sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng, hoặc ổ cắm điện bị lỏng.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

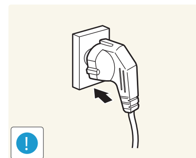


Không sử dụng nhiều sản phẩm với một ổ cắm nguồn duy nhất.

- Ổ cắm nguồn bị quá nhiệt có thể gây ra hỏa hoạn.

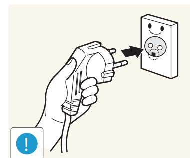


Không chạm vào phích cắm nguồn với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.



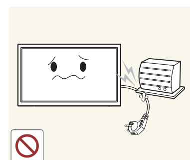
Cắp phích cắm nguồn vào hết cỡ để không bị lỏng.

- Kết nối không chặt có thể gây ra hỏa hoạn.



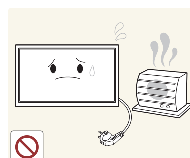
Cắm phích cắm nguồn vào ổ cắm nguồn được tiếp đất (chỉ các thiết bị được cách điện loại 1).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc thương tích.



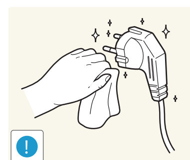
Không bẻ cong hoặc giật mạnh dây nguồn. Cẩn thận để không đặt vật nặng lên dây nguồn.

- Dây nguồn bị hỏng có thể gây ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Không đặt dây nguồn hoặc sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

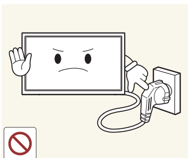
- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Lau sạch tất cả bụi bẩn xung quanh chân phích cắm nguồn hoặc ổ cắm nguồn bằng miếng vải khô.

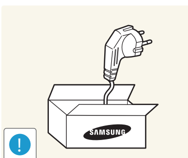
- Có thể xảy ra hỏa hoạn.

Thận trọng



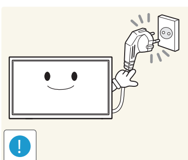
Không rút dây nguồn trong khi sản phẩn đang được sử dụng.

- Sản phẩm có thể bị hỏng do sốc điện.



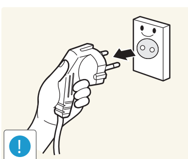
Chỉ sử dụng dây nguồn do Samsung cung cấp kèm theo sản phẩm của bạn. Không sử dụng dây nguồn với các sản phẩm khác.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Đảm bảo ổ cắm điện sẽ được sử dụng để cắm dây nguồn không bị cản trở.

- Phải rút dây nguồn để ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm khi xảy ra sự cố.
- Lưu ý rằng sản phẩm không được ngắt điện hoàn toàn bằng cách chỉ sử dụng nút nguồn trên điều khiển từ xa.



Giữ phích cắm khi rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

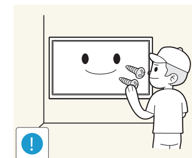
Cài đặt

Cảnh báo



Không đặt nến, nhang đuổi côn trùng hoặc thuốc lá trên đỉnh sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn.



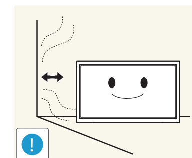
Nhờ kỹ thuật viên lắp đặt giá treo trên tường.

- Có thể xảy ra thương tích nếu việc lắp đặt do người không đủ trình độ tiến hành.
- Chỉ sử dụng tủ được phê duyệt.



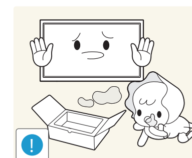
Không lắp đặt sản phẩm tại những nơi thông gió kém như giá sách hoặc hốc tường.

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



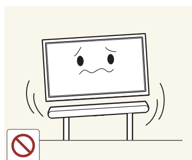
Lắp đặt sản phẩm cách tường ít nhất 10 cm để đảm bảo thông gió.

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



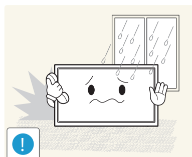
Giữ túi nhựa đóng gói ngoài tầm với của trẻ em.

- Trẻ em có thể bị ngạt thở.



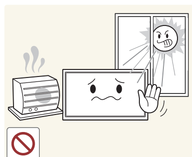
Không lắp đặt sản phẩm trên bề mặt không vững chắc hoặc rung động (giá đỡ không chắc chắn, bề mặt nghiêng, v.v.)

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng và/hoặc gây ra thương tích.
- Sử dụng sản phẩm ở khu vực có độ rung quá mức có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.



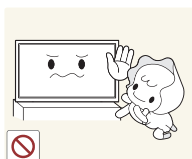
Không lắp đặt sản phẩm trên xe hoặc ở nơi tiếp xúc với bụi, hơi ẩm (nước chảy nhỏ giọt, v.v.), dầu hoặc khói.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nhiệt hoặc đồ vật nóng như bếp.

- Tuổi thọ của sản phẩm có thể bị giảm hoặc có thể xảy ra hỏa hoạn.



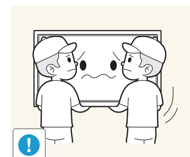
Không lắp đặt sản phẩm trong tầm với của trẻ em.

- Sản phẩm có thể bị đổ và làm cho trẻ bị thương.
- Vì mặt trước của sản phẩm nặng, nên hãy lắp đặt sản phẩm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.



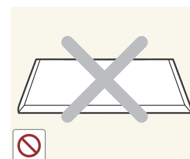
Dầu ăn, chẳng hạn như dầu đậu nành, có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần kệ bếp.

Thận trọng



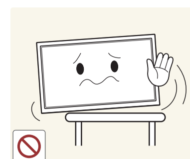
Không làm rơi sản phẩm trong khi di chuyển.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.



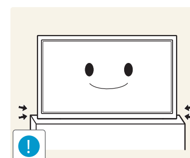
Không đặt úp mặt trước của sản phẩm xuống.

- Màn hình có thể bị hỏng.



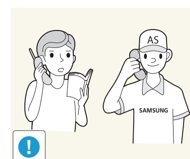
Khi lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc trên giá, đảm bảo rằng cạnh dưới của mặt trước sản phẩm không nhô ra ngoài.

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng và/hoặc gây ra thương tích.
- Chỉ lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc giá đúng kích thước.



Đặt sản phẩm xuống nhẹ nhàng.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

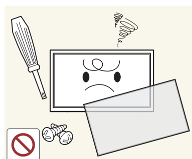


Lắp đặt sản phẩm ở nơi khác thường (nơi tiếp xúc với nhiều hạt mịn, hóa chất, nhiệt độ quá cao/quá thấp hoặc độ ẩm cao hay nơi mà sản phẩm hoạt động liên tục trong thời gian dài) có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu suất của sản phẩm.

- Đảm bảo hỏi ý kiến Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung nếu bạn muốn lắp đặt sản phẩm ở nơi như vậy.

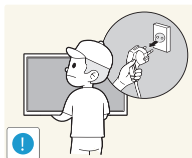
Hoạt động

Cảnh báo



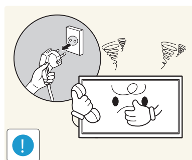
Có điện cao áp bên trong sản phẩm. Không tự tháo, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung để sửa chữa.



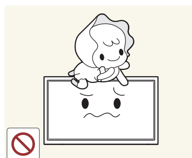
Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy tắt công tắc nguồn và rút cáp nguồn cũng như tất cả các cáp được kết nối khác.

- Nếu không, dây nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



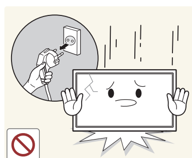
Nếu sản phẩm phát ra tiếng động bất thường, mùi khét hoặc khói, hãy rút dây nguồn ngay lập tức và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.



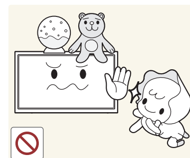
Không để trẻ em đu lên sản phẩm hoặc trèo lên đỉnh sản phẩm.

- Trẻ em có thể bị thương hoặc chấn thương nghiêm trọng.



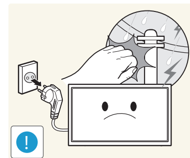
Nếu sản phẩm bị rơi hoặc vỏ ngoài bị hỏng, hãy tắt công tắc nguồn và rút dây nguồn. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

- Tiếp tục sử dụng có thể gây ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



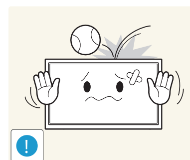
Không để vật nặng hoặc những thứ mà trẻ thích (đồ chơi, kẹo, v.v.) trên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm hoặc vật nặng có thể đổ khi trẻ cố gắng với lấy đồ chơi hoặc kẹo, gây ra thương tích nghiêm trọng.



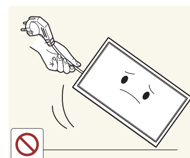
Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút cáp nguồn.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



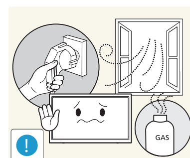
Không làm rơi các đồ vật lên sản phẩm hoặc gây ra va chạm.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.



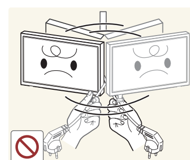
Không di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do cáp bị hỏng.



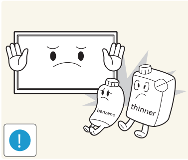
Nếu phát hiện rò rỉ gas, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm nguồn. Đồng thời, thông gió khu vực đó ngay lập tức.

- Tia lửa điện có thể gây nổ hoặc hỏa hoạn.



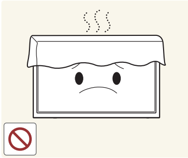
Không nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn do cáp bị hỏng.



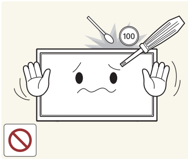
Không sử dụng hoặc cất giữ các bình xịt dễ cháy nổ hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Có thể xảy ra nổ hoặc hỏa hoạn.



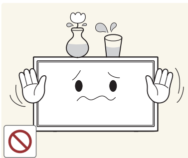
Đảm bảo các lỗ thông gió không bị khăn trải bàn hoặc rèm cửa che kín.

- Nhiệt độ bên trong tăng lên có thể gây ra hỏa hoạn.



Không nhét các vật bằng kim loại (đũa, đồng xu, kẹp tóc, v.v.) hoặc các vật dễ cháy (giấy, diêm, v.v.) vào sản phẩm (qua lỗ thông gió hoặc các cổng vào/ra, v.v.).

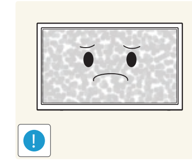
- Đảm bảo tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn khi nước hoặc các vật chất khác rơi vào sản phẩm. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.



Không đặt các vật chứa chất lỏng (bình, lọ, chai, v.v.) hoặc đồ vật bằng kim loại trên đỉnh sản phẩm.

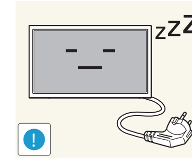
- Đảm bảo tắt nguồn sản phẩm và rút dây nguồn khi nước hoặc các vật chất khác rơi vào sản phẩm. Sau đó, liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

Thận trọng



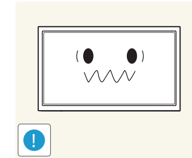
Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.

- Kích hoạt chế độ tiết kiệm điện hoặc trình bảo vệ màn hình bằng hình ảnh chuyển động nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.



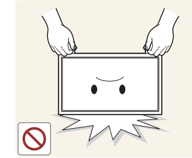
Rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài (trong kỳ nghỉ, v.v.).

- Bụi bẩn tích tụ kết hợp với nhiệt có thể gây ra hỏa hoạn, điện giật hoặc rò điện.



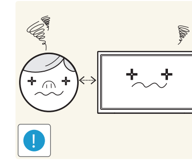
Sử dụng sản phẩm ở độ phân giải và tần số khuyến nghị.

- Thị lực của bạn có thể bị giảm.

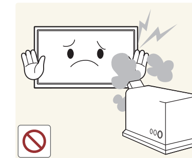


Không lật ngược hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách giữ chân đế.

- Sản phẩm có thể đổ và bị hỏng hoặc gây ra thương tích.

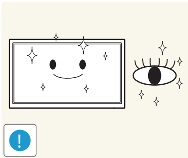


Nhìn màn hình ở khoảng cách quá gần trong thời gian dài có thể làm giảm thị lực của bạn.



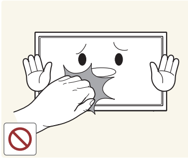
Không sử dụng máy làm ẩm hoặc bếp lò quanh sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

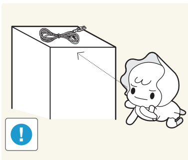


Để mắt bạn nghỉ ngơi trên 5 phút sau mỗi giờ sử dụng sản phẩm.

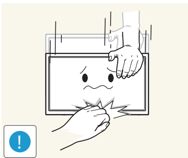
- Mắt của bạn sẽ hết mỏi.



Không chạm vào màn hình khi đã bật sản phẩm trong một thời gian dài vì màn hình sẽ trở nên nóng.

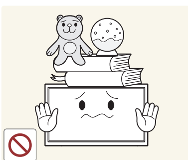


Cất giữ các phụ kiện nhỏ ngoài tầm với của trẻ em.



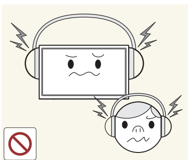
Hãy thận trọng khi điều chỉnh góc của sản phẩm hoặc độ cao chân đế.

- Tay hoặc ngón tay của bạn có thể bị kẹt và bị thương.
- Nghiêng sản phẩm ở góc quá lớn có thể khiến sản phẩm bị đổ và có thể gây ra thương tích.



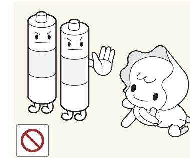
Không đặt vật nặng lên sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.



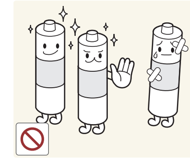
Khi sử dụng tai nghe, không vặn âm lượng quá cao.

- Nghe âm thanh quá to có thể làm giảm thính lực của bạn.



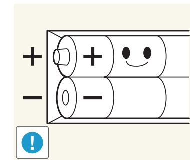
Cẩn thận không để trẻ em ngậm pin trong miệng khi tháo gỡ ra từ bộ điều khiển từ xa. Cất giữ pin ở những nơi trẻ em hoặc trẻ sơ sinh không thể lấy được.

- Nếu trẻ em đã nuốt phải pin, hãy liên hệ ngay với bác sĩ của bạn.



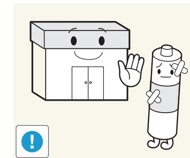
Khi thay pin, hãy lắp đúng cực tính (+, -).

- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin.



Chỉ sử dụng những pin đủ tiêu chuẩn chuyên dùng, không dùng chung pin mới và pin cũ cùng lúc.

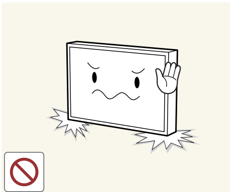
- Nếu không, pin sẽ bị hư hỏng hoặc gây hỏa hoạn, gây thương tích cho người sử dụng hoặc thiệt hại tài sản do rò rỉ hóa chất trong pin



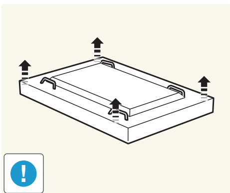
Không được thải bỏ pin (và các pin sạc) theo cách thông thường và chúng phải được hoàn trả lại để tái chế. Khách hàng phải có trách nhiệm hoàn trả lại các pin đã qua sử dụng hoặc pin sạc để tái chế.

- Khách hàng có thể trả lại pin đã dùng hay pin sạc cho trung tâm tái chế công cộng địa phương hoặc cho các cửa hàng bán cùng loại pin hay pin sạc đó.

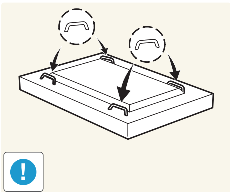
Lưu ý khi xử lí panel



Không đứng lên trên sản phẩm như trình bày trong hình vẽ. Tấm panel dễ vỡ và có thể bị hỏng.



Đặt sản phẩm nằm xuống để xử lý như trình bày trong hình vẽ. (Bạn có thể sử dụng bao bì sản phẩm).



Đảm bảo là bạn dùng tay nắm phía sau sản phẩm khi di chuyển sản phẩm.



Không được cầm nắm bất kỳ chỗ nào trong khoảng cách 15 mm từ mặt trước sản phẩm.

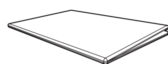
Chương 02
Chuẩn bị

Kiểm tra các thành phần

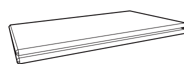
- Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.
- Ảnh có thể trông khác với các thành phần thực tế.

Các thành phần

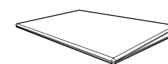
— Các thành phần có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau.



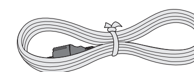
Hướng dẫn cài đặt nhanh



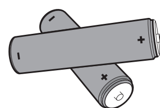
Thẻ bảo hành
(Không có ở một số khu vực)



Hướng dẫn điều chỉnh



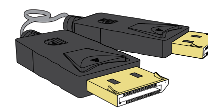
Dây điện nguồn



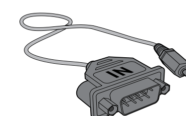
Pin
(Không có ở một số khu vực)



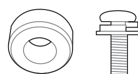
Điều khiển từ xa



Cáp DP



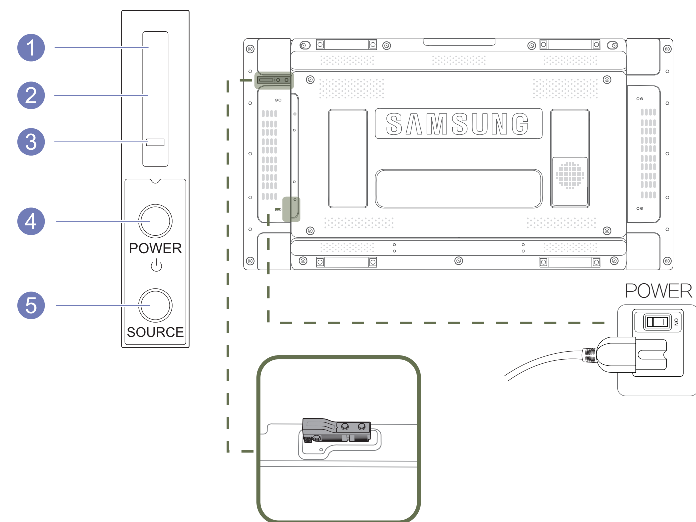
Bộ điều hợp RS232C(IN)



Vòng đỡ (4 Chiếc) /
Vít (4 Chiếc)

Các linh kiện

Bộ cảm biến ngoại tín hiệu



― Bộ cảm biến bên ngoài có cảm biến điều khiển từ xa, cảm biến độ sáng và các phím chức năng. Nếu gắn màn hình lên tường, bạn có thể di chuyển bộ cảm biến bên ngoài sang bên sườn màn hình.

― Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

Nút		Mô tả
1	**Bộ cảm biến Điều khiển từ xa**	Hướng bộ điều khiển từ xa về điểm này trên Màn hình LCD. ― Giữ cho khu vực giữa cảm biến từ xa và điều khiển từ xa không có vật cản.
2	**Cảm biến ánh sáng**	Tự động dò tìm cường độ ánh sáng xung quanh ở quanh màn hình hiển thị được lựa chọn và điều chỉnh độ sáng màn hình.
3	**Chỉ báo nguồn**	Chỉ báo nguồn sẽ tắt khi sản phẩm được bật. Thiết bị này sẽ nhấp nháy ở chế độ tiết kiệm điện.
4	**Nút POWER**	Sử dụng nút này để bật và tắt Màn hình LCD.
5	**Nút SOURCE**	Chuyển chế độ PC sang chế độ Video. Chọn nguồn vào kết nối với thiết bị ngoại vi.

Sử dụng điều khiển từ xa trong phạm vi từ 7 đến 10m từ bộ cảm biến trên sản phẩm với một góc 30˚ từ bên trái và bên phải.

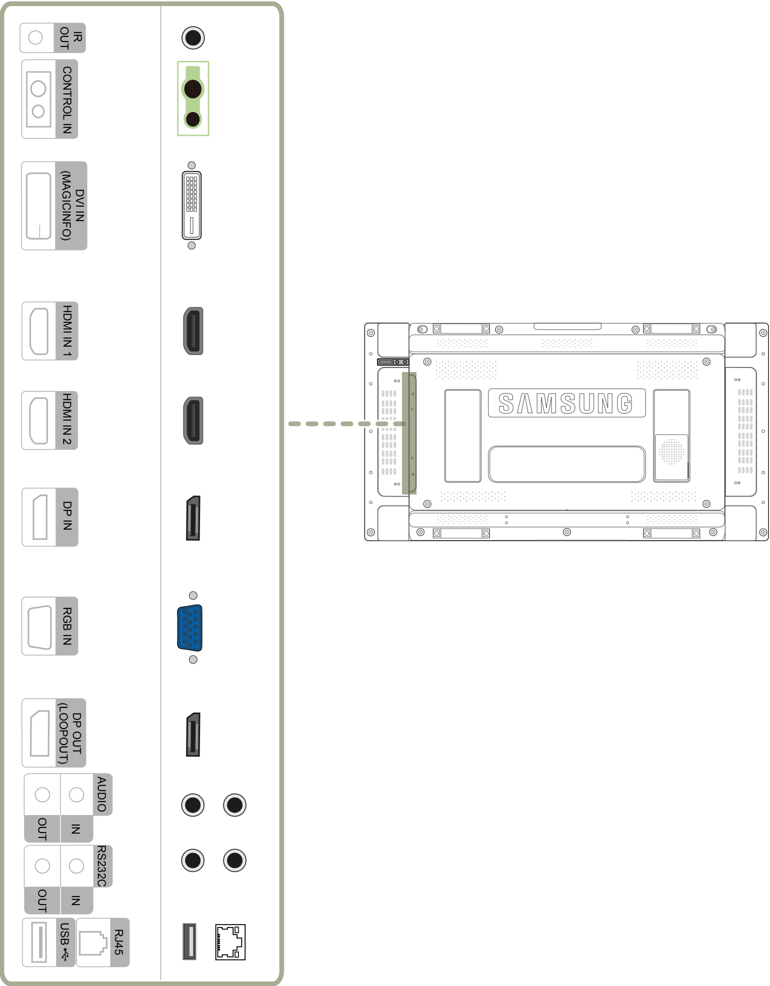
― Đặt pin đã sử dụng ở nơi cách xa tầm tay trẻ em và tái sử dụng.

― Không sử dụng chung pin cũ và mới. Thay cả hai pin cùng lúc.

― Tháo pin ra khi điều khiển từ xa không được sử dụng trong một thời gian dài.

Mặt sau

― Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.



Cổng	Mô tả
IR OUT	Nhận tín hiệu điều khiển từ xa qua bảng cảm biến bên ngoài và xuất tín hiệu qua LOOP OUT.
CONTROL IN	Cắm nguồn vào bảng cảm biến bên ngoài hoặc nhận tín hiệu cảm biến ánh sáng.
DVI IN (MAGICINFO)	DVI IN: Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp DVI hoặc cáp HDMI-DVI. MAGICINFO: Để sử dụng MagicInfo, hãy đảm bảo kết nối cáp DP-DVI.
HDMI IN 1, HDMI IN 2	Kết nối với thiết bị nguồn bằng cáp HDMI.
DP IN	Kết nối với PC bằng cáp DP.
RGB IN	Kết nối với thiết bị nguồn bằng cáp D-SUB.
DP OUT (LOOPOUT)	Kết nối với sản phẩm khác bằng cáp DP. ― Khi kết nối các màn hình thông qua DP Loopout, nên sử dụng cáp DP đi kèm với gói. ― Cổng này sử dụng thuật toán dành riêng cho đầu vào và đầu ra độ phân giải UHD. Cổng không tương thích với các màn hình có cổng DP Loopout dành riêng cho nội dung FHD. Nên kết nối cổng Loopout giữa các màn hình thuộc cùng một mẫu.
AUDIO IN	Nhận âm thanh từ PC qua cáp âm thanh.
AUDIO OUT	Kết nối với âm thanh của thiết bị nguồn tín hiệu.
RS232C IN	Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
RS232C OUT	
RJ45	Kết nối với MDC bằng cáp LAN.
USB ⭠	Kết nối với thiết bị nhớ USB. (Chỉ phục vụ mục đích cập nhật)

Điều khiển từ xa

— Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.

— Nút không có mô tả trong hình ảnh bên dưới không được hỗ trợ trên sản phẩm.

Bật nguồn sản phẩm.

Tắt nguồn sản phẩm.

Các nút số
Nhập mật khẩu vào trình đơn OSD.

Không có.

Không có.

Điều chỉnh âm lượng.

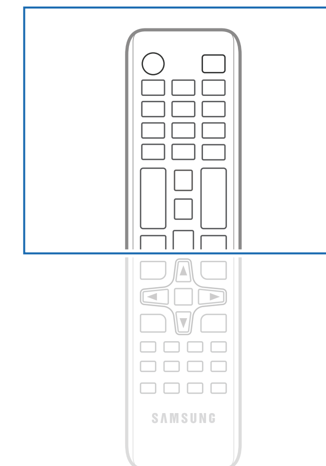
Tắt âm thanh.
Ngừng tắt tiếng: Nhấn lại **MUTE** hoặc nhấn nút điều chỉnh âm lượng (+ VOL -).

Thay đổi nguồn vào.

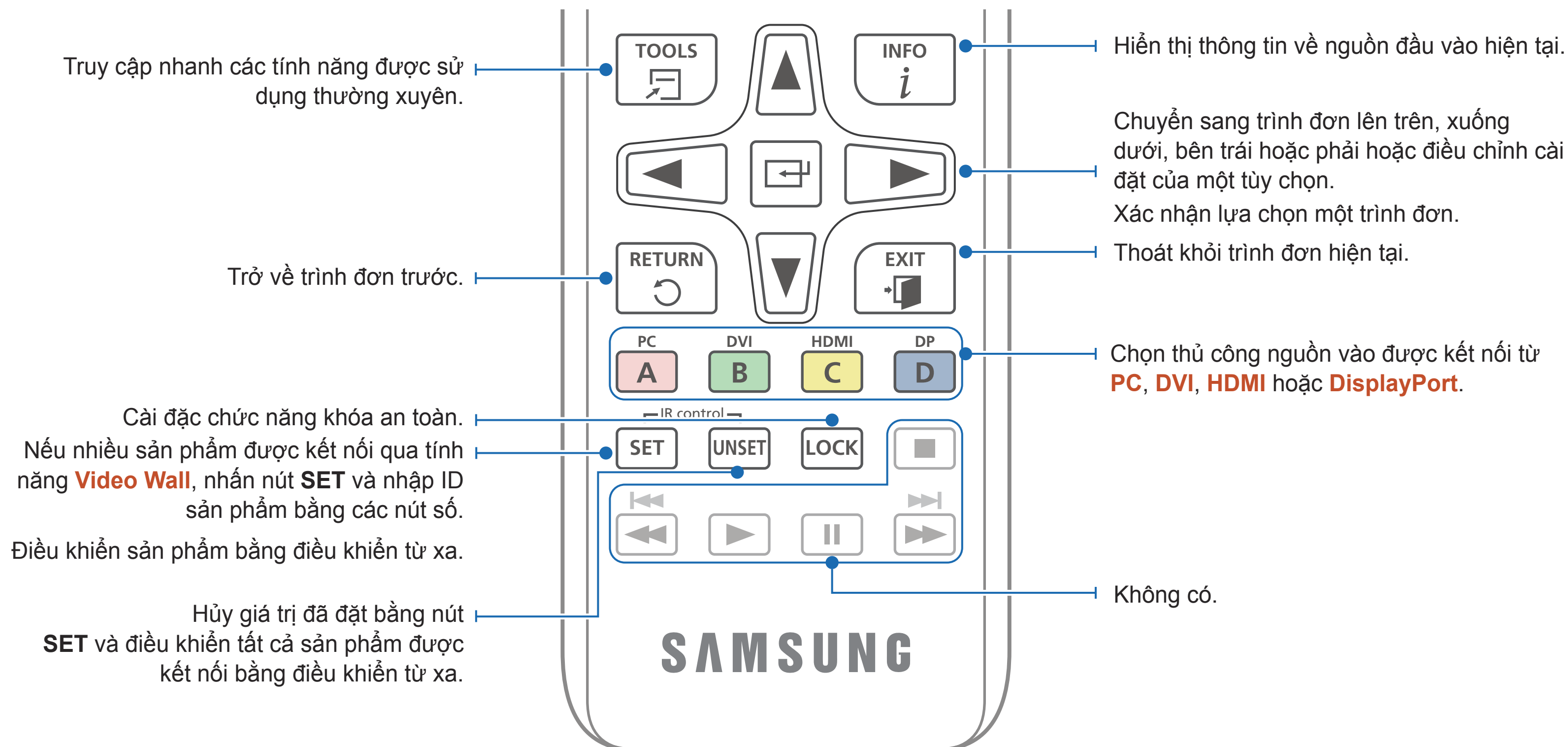
Hiển thị hoặc ẩn trình đơn hiển thị trên màn hình, hoặc trở về trình đơn trước.

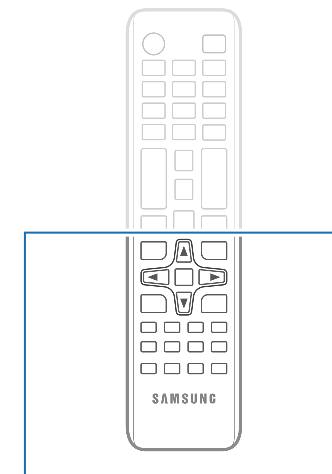
Sử dụng phím tắt này để truy cập trực tiếp vào **MagicInfo Player I**.
Phím tắt này khả dụng khi hộp mạng hoặc PIM (Mô đun Plug In) được kết nối.

Nút Khởi chạy **Go to Home**.



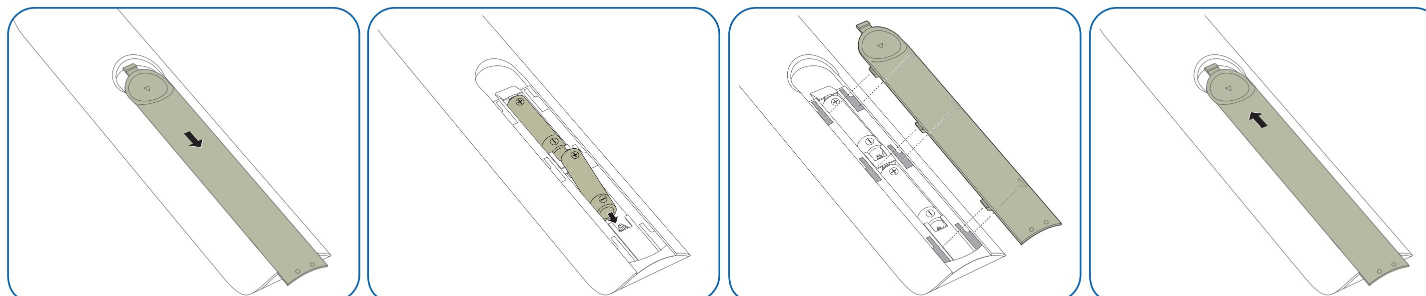
– Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.





– Các tính năng của nút điều khiển từ xa có thể khác nhau đối với các sản phẩm khác nhau.

Để đặt pin vào điều khiển từ xa



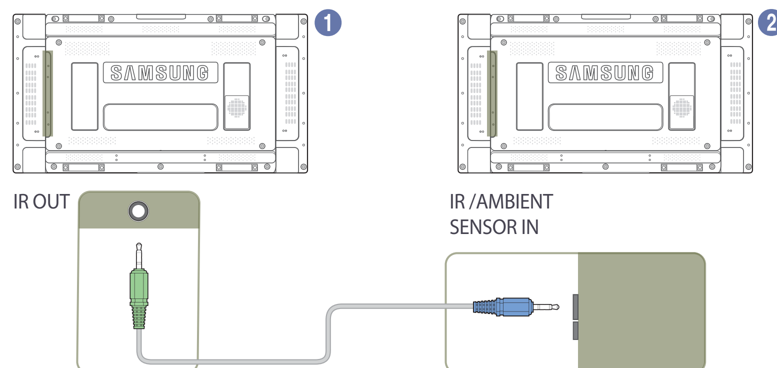
Kết nối Sử dụng Cáp Stereo IR (được bán riêng)

Đảm bảo kết nối với cảm biến xung quanh Bên ngoài trong khi sản phẩm tắt. Sau đó, bật nguồn sản phẩm.

Kiểm soát nhiều sản phẩm màn hình bằng điều khiển từ xa của bạn

- Kết nối cổng **IR OUT** trên sản phẩm với cổng **IR / AMBIENT SENSOR IN** trên sản phẩm hiển thị khác bằng cáp stereo dành riêng.
- Lệnh được gửi từ điều khiển từ xa trỏ vào sản phẩm 1 sẽ được cả hai sản phẩm màn hình 1 và 2 tiếp nhận.

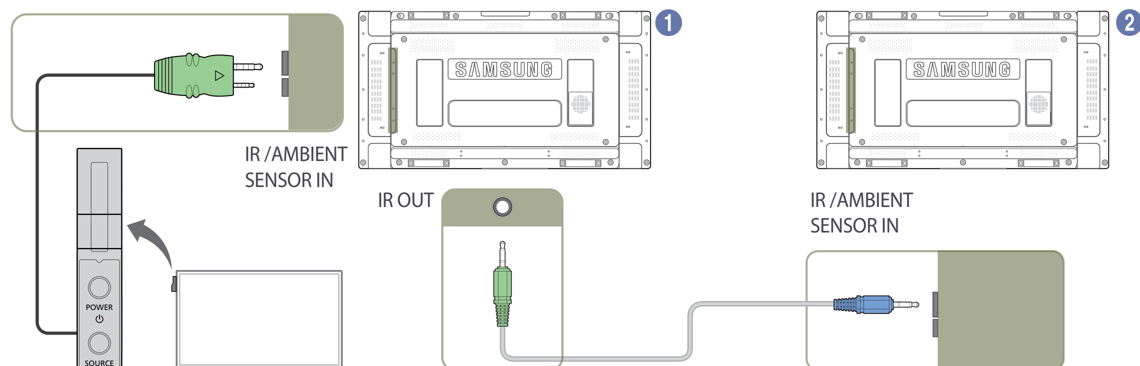
― Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.



Kiểm soát nhiều sản phẩm màn hình bằng một bộ cảm biến xung quanh Bên ngoài (được bán riêng)

- Lệnh được gửi từ điều khiển từ xa trỏ vào sản phẩm 1 (nơi cảm biến xung quanh Bên ngoài được kết nối) sẽ được cả hai sản phẩm màn hình 1 và 2 tiếp nhận.

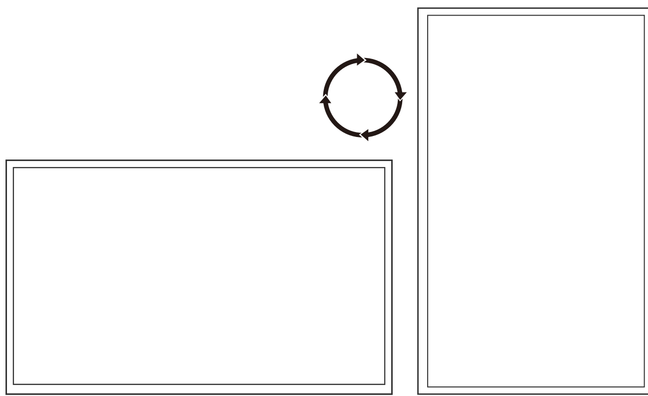
― Hình dáng bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm.



Trước khi Lắp đặt Sản phẩm (Hướng dẫn Lắp đặt)

Để tránh thương tích, thiết bị này phải được gắn chặt vào sàn/tường theo hướng dẫn lắp đặt.

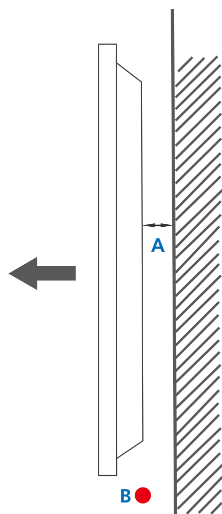
- Đảm bảo rằng công ty lắp đặt được ủy quyền lắp đặt giá treo tường.
- Nếu không, giá treo tường có thể rơi và gây ra thương tích cá nhân.
- Đảm bảo lắp đặt giá treo tường được chỉ định.



Chuyển đổi giữa chế độ dọc và chế độ ngang

— Vui lòng liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Samsung để biết thêm chi tiết.

- Để sử dụng sản phẩm theo hướng dọc, hãy xoay sản phẩm theo chiều kim đồng hồ.



Hình 1.1 Nhìn từ bên

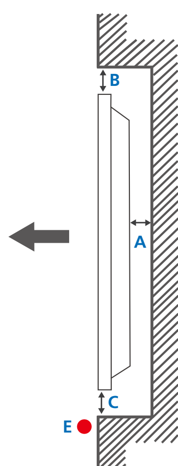
Thông gió

Lắp đặt trên Tường thẳng đứng

A Tối thiểu là 40 mm

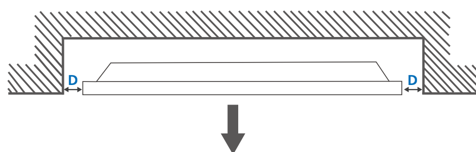
B Nhiệt độ xung quanh: Dưới 35˚C

- Khi lắp đặt sản phẩm trên tường thẳng đứng, cho phép ít nhất khoảng cách 40 mm giữa sản phẩm và bề mặt tường để thông gió và đảm bảo nhiệt độ A xung quanh được giữ ở mức dưới 35˚C.



Hình 1.2 Nhìn từ bên

Hình 1.3 Nhìn từ bên



Lắp đặt trên Tường có vết lõm

― Vui lòng liên hệ Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Samsung để biết thêm chi tiết.

Nhìn chính diện

A Tối thiểu là 40 mm

B Tối thiểu là 70 mm

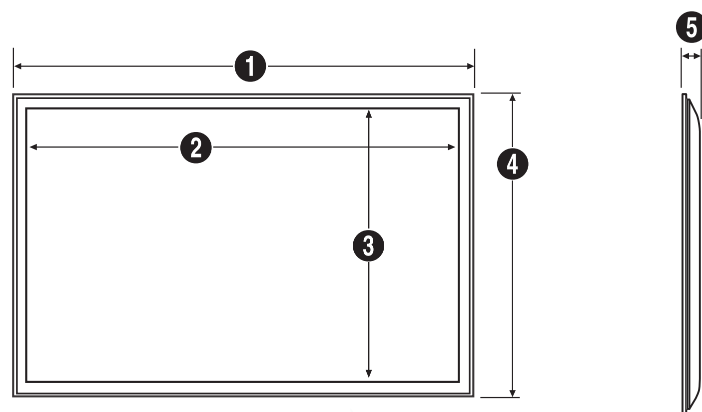
C Tối thiểu là 50 mm

D Tối thiểu là 50 mm

E Nhiệt độ xung quanh: Dưới 35˚C

― Khi lắp đặt sản phẩm trên tường bị lõm xuống, cho phép ít nhất khoảng cách như chỉ định ở trên giữa sản phẩm và bề mặt tường để thông gió và đảm bảo nhiệt độ xung quanh được giữ ở mức dưới 35˚C.

Kích thước

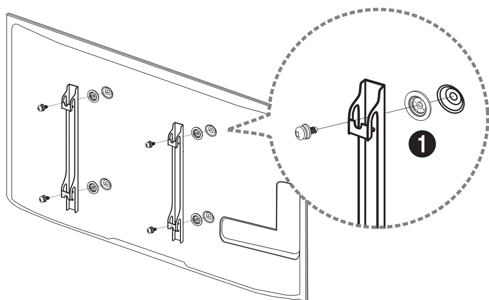


Đơn vị: mm

Tên mẫu sản phẩm	1	2	3	4	5
UD46E-A	1022,1	1018,3	572,9	576,6	97,4
UD46E-C	1024	1018,3	572,9	578,6	113,6
UD46E-B	1022,1	1018,3	572,9	576,6	97,4
UD55E-B	1213,5	1209,8	680,6	684,3	96,6

― Tất cả các hình vẽ không nhất thiết phải theo tỷ lệ. Một số kích thước có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tham khảo kích thước trước khi thực hiện lắp đặt sản phẩm của bạn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về lỗi gõ phím hay lỗi in.

Lắp đặt giá treo tường



Chuẩn bị trước khi lắp đặt giá treo tường

Để lắp đặt giá treo tường của một nhà sản xuất khác, hãy sử dụng Vòng đỡ(1).

Lắp đặt giá treo tường

Bộ giá treo tường (được bán riêng) cho phép bạn lắp sản phẩm lên tường.

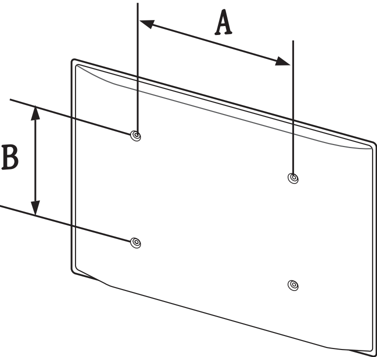
Để biết thông tin chi tiết về cách lắp đặt giá treo tường, hãy xem hướng dẫn đi kèm giá treo tường.

Chúng tôi khuyên bạn nên liên hệ với kỹ thuật viên để được trợ giúp khi lắp đặt giá treo tường.

Samsung Electronics không chịu trách nhiệm về bất kỳ hỏng hóc nào đối với sản phẩm hay thương tích nào đối với bạn hoặc người khác nếu bạn tự ý lắp đặt giá treo tường.

Thông số kỹ thuật của bộ giá treo tường (VESA)

― Lắp giá treo tường lên tường đặc vuông góc với sàn nhà. Trước khi lắp giá treo tường vào các bề mặt như tấm ốp tường, hãy liên hệ với đại lý gần nhất để biết thêm thông tin.
Nếu bạn lắp sản phẩm trên tường nghiêng, sản phẩm có thể bị đổ và dẫn đến thương tích cá nhân nghiêm trọng.



- Bộ giá treo tường của Samsung có hướng dẫn lắp đặt chi tiết và tất cả các bộ phận cần thiết cho việc lắp ráp đều được cung cấp.
- Không sử dụng vít dài hơn độ dài chuẩn hoặc không phù hợp với thông số vít chuẩn VESA. Vít quá dài có thể làm hỏng phần bên trong của sản phẩm.
- Đối với giá treo tường không phù hợp với thông số vít chuẩn VESA, độ dài của vít có thể khác nhau tùy thuộc vào thông số kỹ thuật của giá treo tường.
- Không vặn vít quá chặt. Vặn quá chặt có thể làm hỏng sản phẩm hoặc khiến sản phẩm bị đổ, dẫn đến thương tích cá nhân. Samsung không chịu trách nhiệm về các kiểu tai nạn này.
- Samsung không chịu trách nhiệm về hư hỏng sản phẩm hoặc thương tích cá nhân khi người tiêu dùng sử dụng giá treo tường không phải là VESA hoặc không được chỉ định hoặc người tiêu dùng không tuân theo các hướng dẫn lắp đặt sản phẩm.
- Luôn nhờ hai người lắp sản phẩm lên tường.
- Kích thước chuẩn cho bộ giá treo tường được hiển thị trong bảng bên dưới.

Đơn vị: mm

Tên mẫu sản phẩm	Thông số lỗ vít VESA (A * B) tính bằng milimet	Vít chuẩn	Số lượng
UD46E-A / UD46E-C / UD46E-B / UD55E-B	600 x 400	M8	4

― Không lắp đặt bộ giá treo tường trong khi sản phẩm của bạn đang bật. Việc này có thể dẫn đến thương tích cá nhân do điện giật.

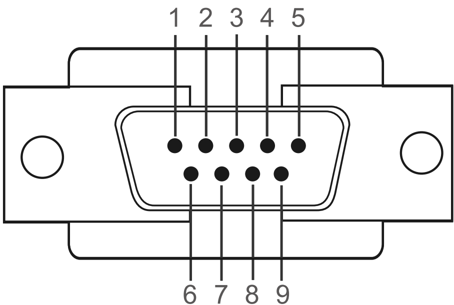
Điều khiển từ xa (RS232C)

Kết nối cáp

Cáp RS232C

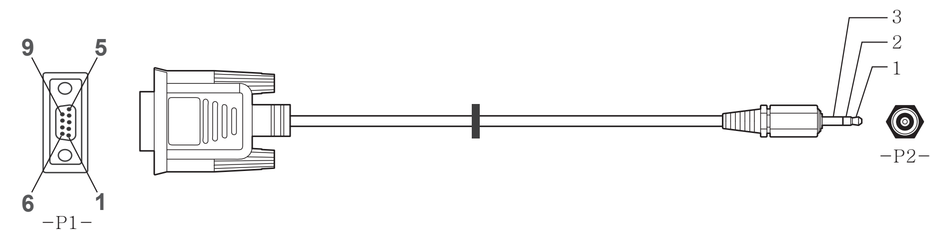
Giao diện	RS232C (9 chốt)
Chốt	TxD (Số 2), RxD (Số 3), GND (Số 5)
Tốc độ bit	9600 bit/giây
Số bit dữ liệu	8 bit
Chẵn lẻ	Không
Bit dừng	1 bit
Điều khiển luồng dữ liệu	Không
Độ dài tối đa	15 m (chỉ đối với loại có tấm chắn)

- Gán chốt



Chốt	Tín hiệu
1	Dò đường truyền dữ liệu
2	Dữ liệu thu được
3	Dữ liệu truyền đi
4	Chuẩn bị cổng dữ liệu
5	Tín hiệu tiếp đất
6	Chuẩn bị gói dữ liệu
7	Gửi yêu cầu
8	Tín hiệu đã rõ ràng để gửi đi
9	Chỉ báo chuông

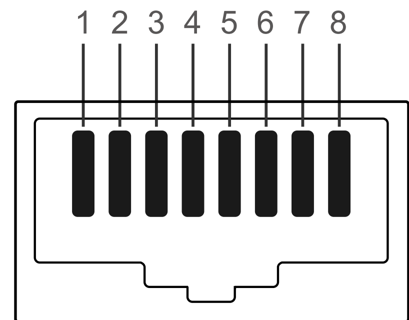
- Cáp RS232C
  Bộ kết nối: D-Sub 9 chốt với cáp stereo



-P1-		-P1-		-P2-		-P2-
Female	**Rx**	**2**	**-------->**	**3**	**Tx**	**STEREO**
	Tx	**3**	**<--------**	**2**	**Rx**	**PHÍCH CẮM**
	Gnd	**5**	**----------**	**5**	**Gnd**	**(3,5ø)**

Cáp mạng LAN

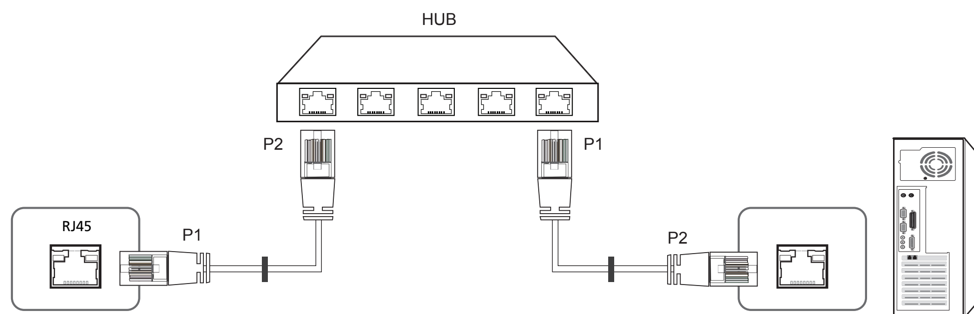
- Gán chốt



Số chốt	Màu chuẩn	Tín hiệu
1	Trắng và cam	TX+
2	Màu cam	TX-
3	Trắng và xanh lá	RX+
4	Xanh dương	NC
5	Trắng và xanh dương	NC
6	Xanh lá	RX-
7	Trắng và nâu	NC
8	Nâu	NC

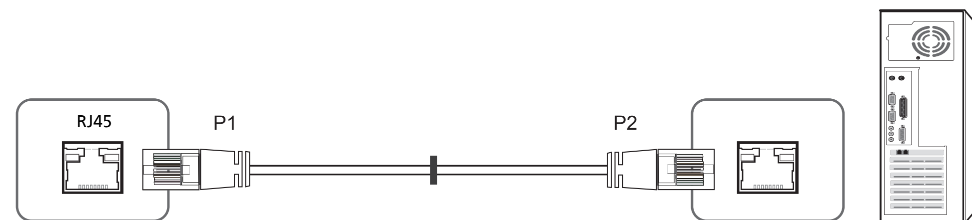
- Bộ kết nối: RJ45

Cáp LAN trực tiếp (PC đến HUB)



Tín hiệu	P1		P2	Tín hiệu
TX+	1	<-------->	1	TX+
TX-	2	<-------->	2	TX-
RX+	3	<-------->	3	RX+
RX-	6	<-------->	6	RX-

Cáp LAN chéo (PC đến PC)

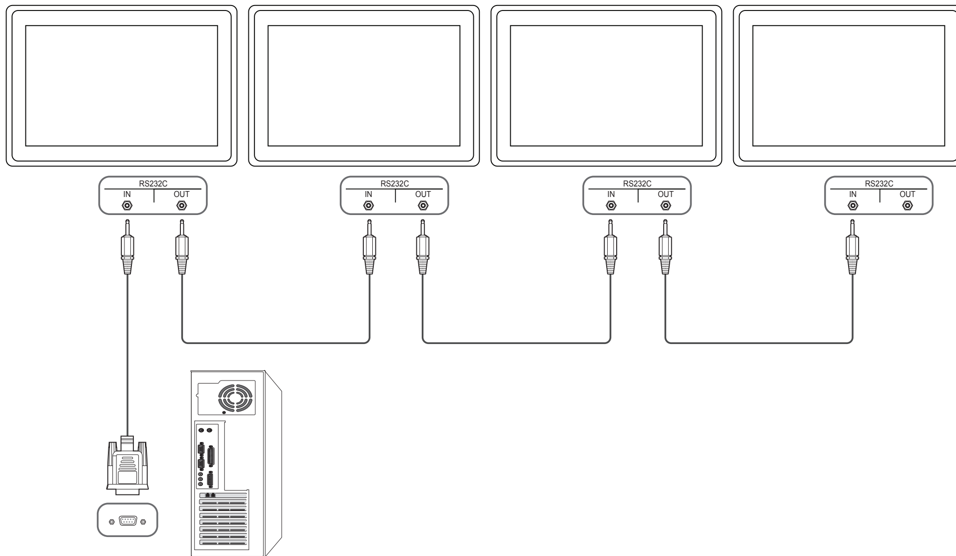


Tín hiệu	P1		P2	Tín hiệu
TX+	1	<-------->	3	RX+
TX-	2	<-------->	6	RX-
RX+	3	<-------->	1	TX+
RX-	6	<-------->	2	TX-

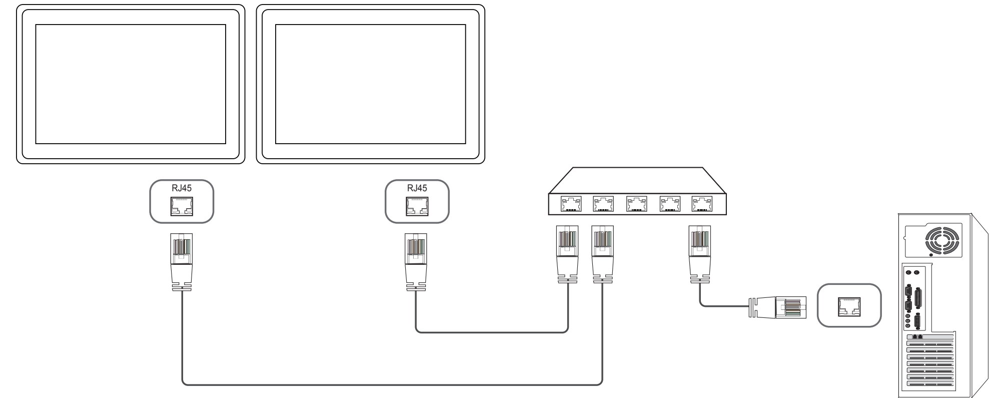
Kết nối

― Đảm bảo là bạn kết nối mỗi bộ điều hợp với đúng cổng RS232C IN hoặc OUT trên sản phẩm.

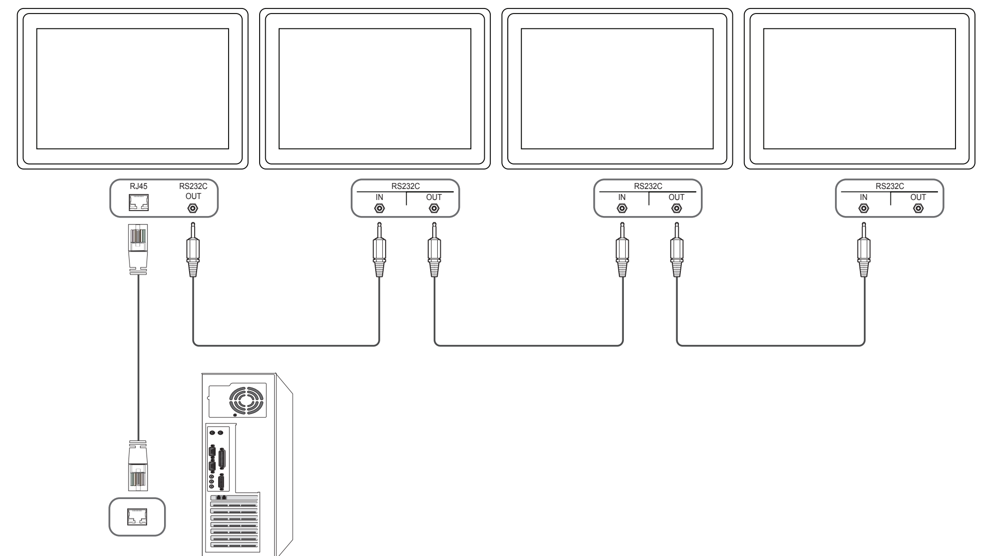
- Kết nối 1



- Kết nối 2



- Kết nối 3



Các mã điều khiển

Xem trạng thái điều khiển (Nhận lệnh điều khiển)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	Loại lệnh		0	

Điều khiển (Cài đặt lệnh điều khiển)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	Loại lệnh		1	Giá trị	

Lệnh

Không.	Loại lệnh	Lệnh	Dãy giá trị
1	Điều khiển nguồn	0x11	0~1
2	Điều khiển âm lượng	0x12	0~100
3	Điều khiển nguồn dữ liệu đầu vào	0x14	-
4	Điều khiển chế độ màn hình	0x18	-
5	Điều khiển kích thước màn hình	0x19	0~255
6	Điều khiển điều chỉnh tự động (Chỉ dành cho PC và BNC)	0x3D	0
7	Điều khiển chế độ tường video	0x5C	0~1
8	Khóa an toàn	0x5D	0~1
9	Bật Tường Video	0x84	0~1
10	Điều khiển người dùng Tường Video	0x89	-

- Toàn bộ liên lạc diễn ra bằng giá trị thập lục phân. Kiểm tra tổng được tính bằng cách cộng toàn bộ giá trị trừ phần đầu trang. Nếu kiểm tra tổng cộng thêm hơn 2 chữ số như hiển thị dưới đây (11+FF+01+01=112), thì chữ số đầu tiên sẽ bị gỡ bỏ.

Ví dụ: Power On (Bật nguồn) & ID=0

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu 1	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		1	**"Power"**	

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu 1	12
0xAA	0x11		1	1	

- Để điều khiển toàn bộ thiết bị kết nối với một cáp tuần tự liên tục không kể ID, hãy đặt ID là "0xFE" và truyền lệnh. Các lệnh được tiến hành bởi mỗi thiết bị nhưng ACK không phản ứng.

Điểu khiển nguồn

- Tính năng
  Có thể bật và tắt nguồn sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái nguồn (Get Power ON / OFF Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		0	

- Cài đặt nguồn BẬT/TẮT (Set Power ON / OFF)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x11		1	**"Power"**	

"**Power**": Mã nguồn sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

1: Bật nguồn

0: Tắt nguồn

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x11	**"Power"**	

"**Power**": Mã nguồn sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x11	**"ERR"**	

"**ERR**" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

Điều khiển âm lượng

- Tính năng
  Có thể điều chỉnh âm lượng của sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái âm lượng (Get Volume Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x12		0	

- Cài đặt âm lượng (Set Volume)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x12		1	**"Volume"**	

"**Volume**": Mã giá trị âm lượng sẽ được cài đặt trên sản phẩm. (0-100)

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x12	**"Volume"**	

"**Volume**": Mã giá trị âm lượng sẽ được cài đặt trên sản phẩm. (0-100)

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x12	**"ERR"**	

"**ERR**" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

Điều khiển nguồn dữ liệu đầu vào

- Tính năng
  Có thể thay đổi nguồn vào của sản phẩm bằng PC.
- Xem trạng thái nguồn tín hiệu đầu vào (Get Input Source Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x14		0	

- Cài đặt nguồn tín hiệu đầu vào (Set Input Source)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x14		1	"**Input Source**"	

"**Input Source**": Mã nguồn vào sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

0x14	PC
0x18	DVI
0x0C	Nguồn tín hiệu vào
0x08	Thành phần
0x20	MagicInfo
0x1F	DVI_video
0x30	RF (TV)
0x40	DTV
0x21	HDMI1
0x22	HDMI1_PC
0x23	HDMI2
0x24	HDMI2_PC
0x25	DisplayPort

― Bạn không thể sử dụng DVI_video, HDMI1_PC và HDMI2_PC bằng lệnh Cài đặt. Chúng chỉ phản ứng với lệnh "Get" (Lấy).

― Mẫu sản phẩm này không hỗ trợ cổng HDMI1, HDMI1_PC, HDMI2 và HDMI2_PC

― **MagicInfo** chỉ khả dụng với mẫu có chức năng **MagicInfo**.

― RF(TV), DTV chỉ có trong các mẫu bao gồm TV.

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x14	"**Input Source**"	

"**Input Source**": Mã nguồn vào sẽ được cài đặt trên sản phẩm.

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x14	"**ERR**"	

"**ERR**" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện.

Điều khiển chế độ màn hình

- Tính năng
  Có thể thay đổi chế độ màn hình của sản phẩm bằng PC.
  Không thể điều khiển chế độ màn hình khi chức năng **Video Wall** được kích hoạt.

― Chỉ có thể sử dụng điều khiển này trên các mẫu bao gồm TV.

- Xem trạng thái màn hình (Get Screen Mode Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x18		0	

- Cài đặt kích thước hình ảnh (Set Picture Size)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x18		1	"**Screen Mode**"	

"**Screen Mode**": Mã cài đặt trạng thái sản phẩm

0x01	16 : 9
0x04	Thu phóng
0x31	Thu phóng chiều rộng
0x0B	4 : 3

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x18	"**Screen Mode**"	

"**Screen Mode**": Mã cài đặt trạng thái sản phẩm

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x18	"**ERR**"	

"**ERR**" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Điều khiển kích thước màn hình

- Tính năng
  Có thể thay đổi kích cỡ màn hình của sản phẩm bằng PC.
- Xem kích thước màn hình (Get Screen Size Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x19		0	

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x19	"**Screen Size**"	

"**Screen Size**": kích cỡ màn hình sản phẩm (phạm vi: 0 - 255, đơn vị: inch)

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x19	"**ERR**"	

"**ERR**" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Điều khiển điều chỉnh tự động (Chỉ dành cho PC và BNC)

- Tính năng
  Tự động điều chỉnh màn hình hệ thống PC sử dụng PC.
- Xem trạng thái điều chỉnh tự động (Get Auto Adjustment Status)
  Không
- Cài đặt điều chỉnh tự động (Set Auto Adjustment)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x3D		1	**"Auto Adjustment"**	

"Auto Adjustment" : 0x00 (vào mọi lúc)

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x3D	**"Auto Adjustment"**	

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x3D	**"ERR"**	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Điều khiển chế độ Video Wall

- Tính năng
  Chế độ **Video Wall** có thể được kích hoạt trên sản phẩm bằng cách sử dụng PC.
  Điều khiển này chỉ khả dụng trên sản phẩm được bật **Video Wall**.
- Xem chế độ tường video (Get Video Wall Mode)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5C		0	

- Cài đặt tường video (Set Video Wall Mode)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5C		1	**"Video Wall Mode"**	

"Video Wall Mode": Mã dùng để bật chế độ Video Wall trên sản phẩm

1: **Full**

0: **Natural**

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5C	**"Video Wall Mode"**	

"Video Wall Mode": Mã dùng để bật chế độ Video Wall trên sản phẩm

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5C	"ERR"	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Khóa an toàn

- Tính năng
  Bạn có thể sử dụng PC để bật hoặc tắt chức năng **Safety Lock** trên sản phẩm.
  Tính năng này vẫn hoạt động không kể bật hay tắt nguồn điện.
- Xem trạng thái khóa an toàn (Get Safety Lock Status)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5D		0	

- Kích hoạt hoặc tắt kích hoạt khoá an toàn (Set Safety Lock Enable / Disable)

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x5D		1	**"Safety Lock"**	

"Safety Lock": Mã khóa an toàn sẽ được cài đặt trên sản phẩm

1: BẬT

0: TẮT

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x5D	**"Safety Lock"**	

"Safety Lock": Mã khóa an toàn sẽ được cài đặt trên sản phẩm

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x5D	**"ERR"**	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Bật Tường Video

- Tính năng
  Máy tính cá nhân BẬT/TẮT Tường Video của sản phẩm.
- Nhận trạng thái bật/tắt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x84		0	

- Cài đặt bật/tắt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x84		1	V.Wall_On	

- V.Wall_On : Mã Tường Video sẽ cài đặt trên sản phẩm

1: Tường Video BẬT

0: Tường Video TẮT

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'A'	0x84	V.Wall_On	

V.Wall_On : Giống như trên

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x84	ERR	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Điều khiển người dùng Tường Video

- Tính năng
  Máy tính cá nhân bật/tắt chức năng Tường Video của sản phẩm.
- Nhận trạng thái Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Kiểm tra tổng
0xAA	0x89		0	

- Cài đặt Tường Video

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Giá trị1	Giá trị 2	Kiểm tra tổng
0xAA	0x89		2	Wall_Div	Wall_SNo	

Wall_Div: Mã bộ chia Tường Video được cài đặt trên sản phẩm

Mẫu Tường Video 10x10

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tắt	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00	0x00
1	0x11	0x12	0x13	0x14	0x15	0x16	0x17	0x18	0x19	0x1A	0x1B	0x1C	0x1D	0x1E	0x1F
2	0x21	0x22	0x23	0x24	0x25	0x26	0x27	0x28	0x29	0x2A	0x2B	0x2C	0x2D	0x2E	0x2F
3	0x31	0x32	0x33	0x34	0x35	0x36	0x37	0x38	0x39	0x3A	0x3B	0x3C	0x3D	0x3E	0x3F
4	0x41	0x42	0x43	0x44	0x45	0x46	0x47	0x48	0x49	0x4A	0x4B	0x4C	0x4D	0x4E	0x4F
5	0x51	0x52	0x53	0x54	0x55	0x56	0x57	0x58	0x59	0x5A	0x5B	0x5C	0x5D	0x5E	0x5F
6	0x61	0x62	0x63	0x64	0x65	0x66	0x67	0x68	0x69	0x6A	0x6B	0x6C	0x6D	0x6E	0x6F
7	0x71	0x72	0x73	0x74	0x75	0x76	0x77	0x78	0x79	0x7A	0x7B	0x7C	0x7D	0x7E	N/A
8	0x81	0x82	0x83	0x84	0x85	0x86	0x87	0x88	0x89	0x8A	0x8B	0x8C	N/A	N/A	N/A
9	0x91	0x92	0x93	0x94	0x95	0x96	0x97	0x98	0x99	0x9A	0x9B	N/A	N/A	N/A	N/A
10	0xA1	0xA2	0xA3	0xA4	0xA5	0xA6	0xA7	0xA8	0xA9	0xAA	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
11	0xB1	0xB2	0xB3	0xB4	0xB5	0xB6	0xB7	0xB8	0xB9	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
12	0xC1	0xC2	0xC3	0xC4	0xC5	0xC6	0xC7	0xC8	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
13	0xD1	0xD2	0xD3	0xD4	0xD5	0xD6	0xD7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
14	0xE1	0xE2	0xE3	0xE4	0xE5	0xE6	0xE7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
15	0xF1	0xF2	0xF3	0xF4	0xF5	0xF6	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

Wall_SNo : Mã số sản phẩm được cài đặt trên sản phẩm

Mẫu Tường Video 10x10: (1 ~ 100)

Số thứ tự	Dữ liệu
1	0x01
2	0x02
...	...
99	0x63
100	0x64

- Ack

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Giá trị 2	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		4	'A'	0x89	Wall_Div	Wall_SNo	

- Nak

Đầu trang	Lệnh	ID	Độ dài dữ liệu	Ack/Nak	r-CMD	Giá trị1	Kiểm tra tổng
0xAA	0xFF		3	'N'	0x89	ERR	

"ERR" : Một mã hiển thị lỗi nào đã xuất hiện

Chương 03
Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

Trước khi kết nối

Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

― Trước khi kết nối một thiết bị nguồn, hãy đọc kỹ sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm.
Số lượng và vị trí của các cổng trên thiết bị nguồn có thể khác nhau ở những thiết bị khác nhau.

― Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối.
Kết nối cáp trong khi đang kết nối có thể làm hỏng sản phẩm.

― Kết nối với cổng âm thanh chính xác: trái = trắng và phải = đỏ.

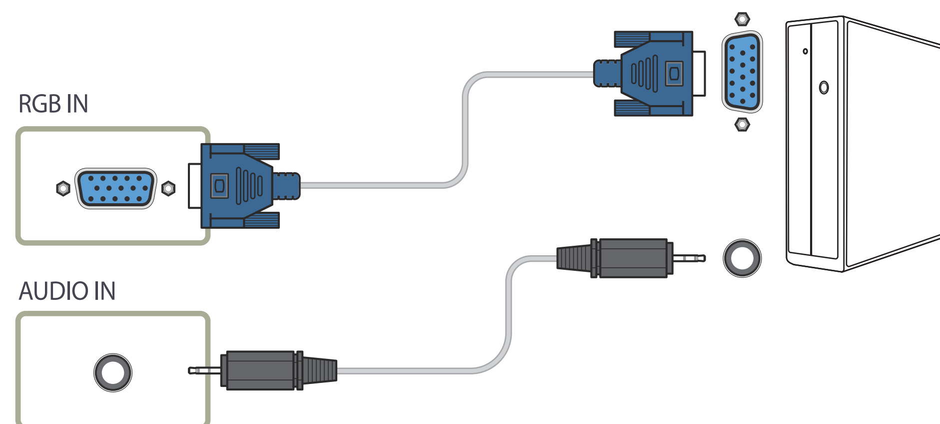
― Kiểm tra loại của các cổng ở phía sau sản phẩm bạn muốn kết nối.

Kết nối với máy tính

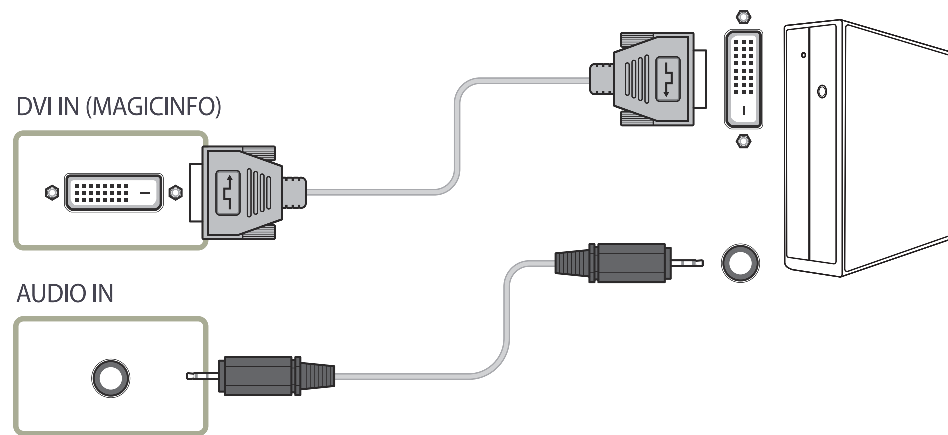
- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác.
  Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.
- Có thể kết nối máy tính với sản phẩm bằng nhiều cách.
  Sử dụng một phương pháp kết nối phù hợp với máy tính của bạn.

― Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

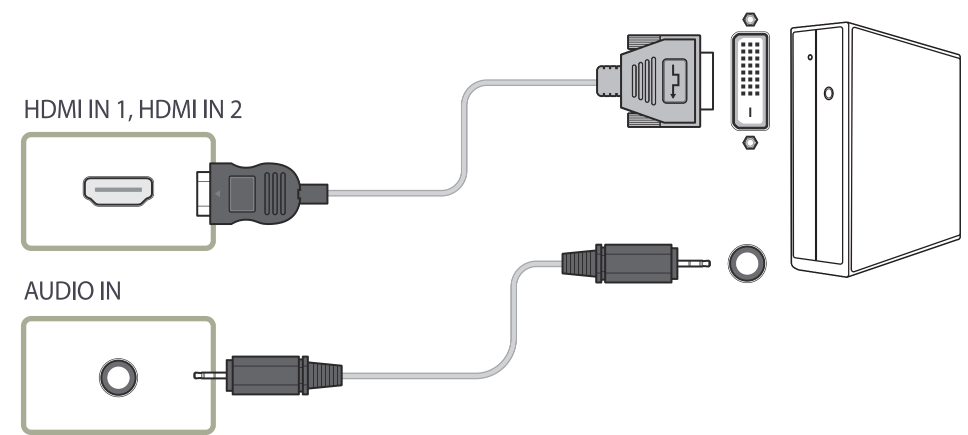
Kết nối bằng cáp D-SUB (Loại analog)



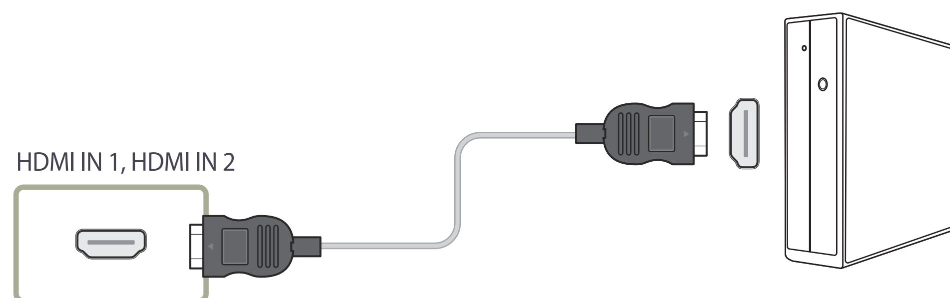
Kết nối sử dụng cáp DVI (Loại kỹ thuật số)



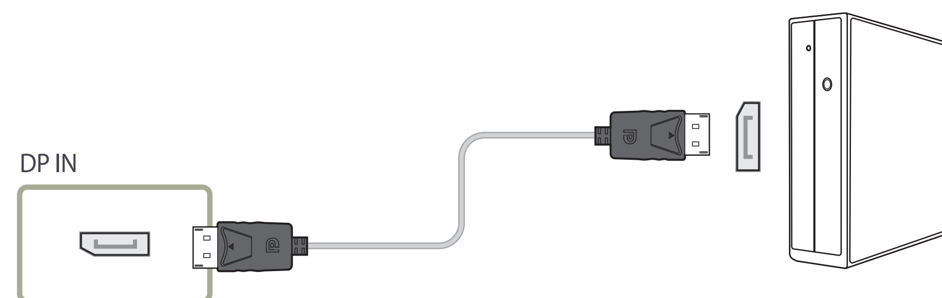
Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI



Kết nối sử dụng cáp HDMI



Kết nối sử dụng cáp DP



- Thận trọng khi sử dụng DP
  - — Để tăng công suất chế độ chờ, sản phẩm sẽ dừng giao tiếp DP khi sản phẩm bị tắt hoặc ở chế độ tiết kiệm điện.
  - — Nếu sản phẩm đang ở chế độ màn hình kép bị tắt hoặc chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng, các thay đổi trong cài đặt màn hình có thể sẽ không được cập nhật. Kết quả là màn hình đầu ra có thể không được hiển thị hợp lý.
  - — Trong trường hợp xảy ra sự cố này, hãy đặt **Max. Power Saving** thành **Off** trước khi sử dụng sản phẩm.
  - — Một số thẻ đồ họa không tương thích với chuẩn DP có thể ngăn màn hình Windows Booting/Bios hiển thị khi sản phẩm ở chế độ tiết kiệm điện. Nếu trường hợp này xảy ra, hãy đảm bảo bật sản phẩm trước khi bật PC của bạn.
  - — Cổng màn hình (**DP IN**) trên sản phẩm và cáp DP kèm theo được thiết kế theo tiêu chuẩn VESA. Việc sử dụng cáp DP không tuân thủ tiêu chuẩn VESA có thể làm cho sản phẩm bị hỏng. Samsung Electronics sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi sự cố phát sinh từ việc sử dụng cáp không tuân thủ tiêu chuẩn đó.

    Đảm bảo bạn sử dụng cáp DP được chỉ định trong tiêu chuẩn VESA.

Kết nối với thiết bị video

- Không kết nối cáp nguồn trước khi kết nối tất cả các cáp khác.
  Đảm bảo bạn kết nối thiết bị nguồn trước tiên trước khi kết nối cáp nguồn.
- Bạn có thể kết nối một thiết bị video với sản phẩm bằng cách sử dụng cáp.

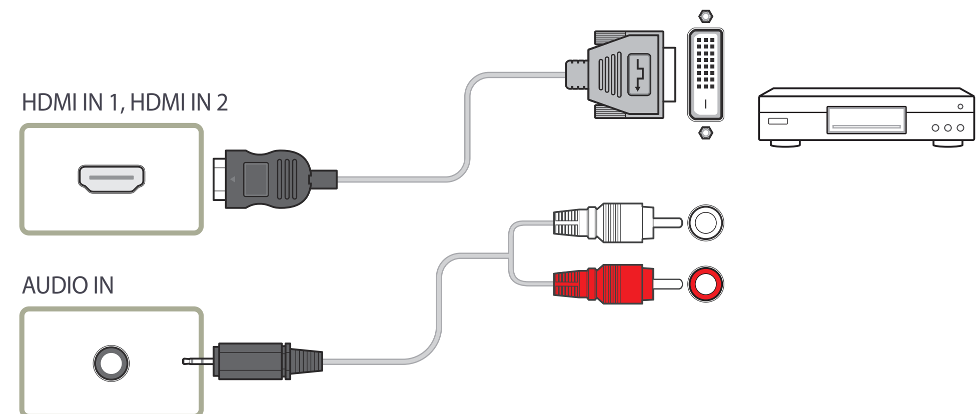
― Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

― Nhấn nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa để thay đổi nguồn.

Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI

― Âm thanh sẽ không được kích hoạt nếu kết nối sản phẩm với một thiết bị video sử dụng cáp HDMI-DVI. Để xử lý vấn đề này, hãy kết nối thêm cáp âm thanh với các cổng âm thanh trên sản phẩm và thiết bị video.

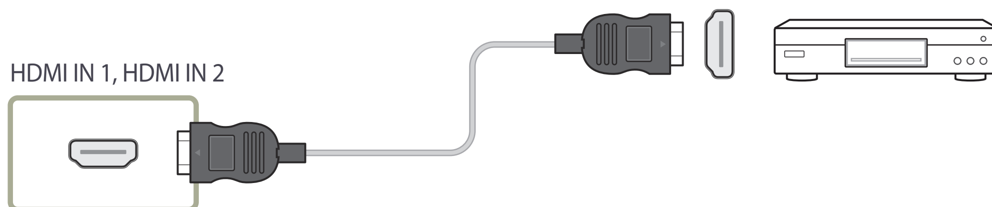
― Hỗ trợ độ phân giải 1080p (50/60Hz), 720p (50/60Hz), 480p, và 576p.



Kết nối sử dụng cáp HDMI

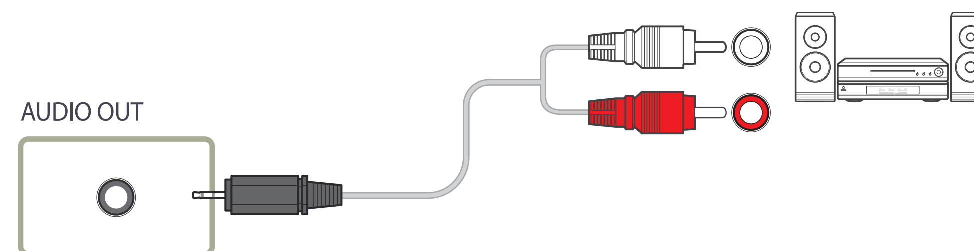
Sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI (tối đa 1080p)

- Để có chất lượng hình ảnh và âm thanh tốt hơn, kết nối với thiết bị kỹ thuật số bằng cáp HDMI.
- Cáp HDMI hỗ trợ tín hiệu âm thanh và video kỹ thuật số và không yêu cầu cáp âm thanh.
  - Để kết nối sản phẩm với thiết bị kỹ thuật số không hỗ trợ đầu ra HDMI, sử dụng cáp HDMI-DVI và cáp âm thanh.
- Hình ảnh có thể không hiển thị bình thường (hoặc không hề có) hoặc âm thanh có thể không hoạt động nếu thiết bị ngoại vi sử dụng phiên bản cũ hơn của chế độ HDMI được kết nối với sản phẩm. Nếu sự cố này xảy ra, hãy hỏi nhà sản xuất thiết bị ngoại vi về phiên bản HDMI và nếu phiên bản này đã lỗi thời, hãy yêu cầu nâng cấp.
- Chắc chắn sử dụng cáp HDMI có độ dày không quá 14 mm.
- Chắc chắn mua cáp HDMI được chứng nhận. Nếu không, hình ảnh có thể không hiển thị hoặc lỗi kết nối có thể xảy ra.
- Bạn nên sử dụng cáp HDMI cơ bản tốc độ cao hoặc cáp có chức năng ethernet.
  Sản phẩm này không hỗ trợ chức năng ethernet qua HDMI.



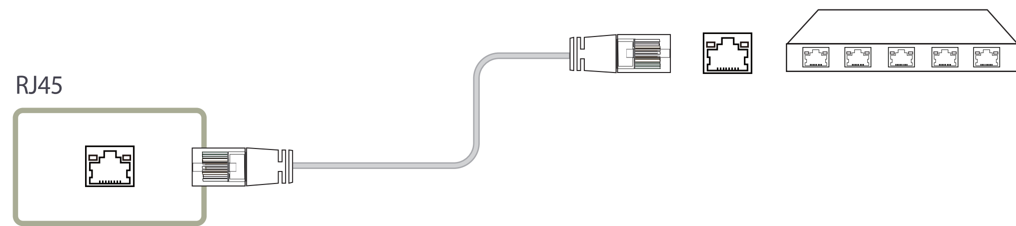
Kết nối với Hệ thống âm thanh

― Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



Kết nối với Cáp LAN

― Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.



- Sử dụng cáp Cat 7(loại *STP) để kết nối.
  *Cáp Xoắn đôi có Vỏ bọc chống nhiễu

Kết nối với hộp mạng (được bán riêng)

― Để biết chi tiết về cách kết nối với hộp mạng, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng kèm theo hộp mạng khi mua.

MagicInfo

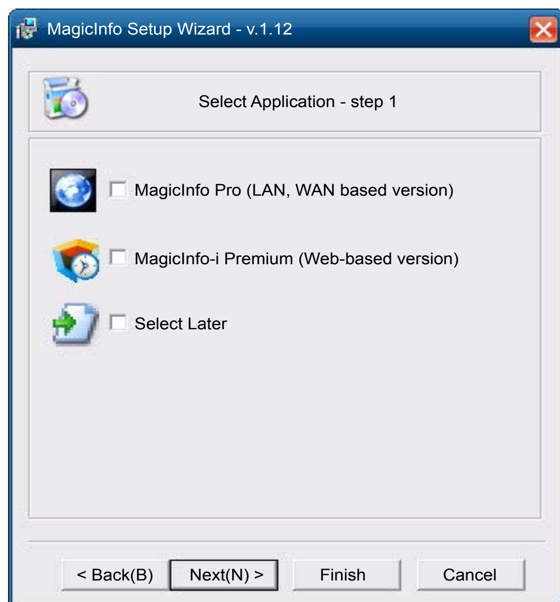
Để sử dụng **MagicInfo**, phải kết nối một hộp mạng (bán riêng) với sản phẩm.

― Để thay đổi cài đặt MagicInfo, hãy chạy "MagicinfoSetupWizard" trên màn hình.

― Để biết chi tiết về cách sử dụng **MagicInfo**, hãy tham khảo DVD kèm theo hộp mạng.

― Thông tin trong phần này có thể thay đổi để cải thiện chất lượng mà không cần thông báo.

― Nếu xảy ra sự cố sau khi cài đặt hệ điều hành không phải hệ điều hành kèm theo hộp mạng, hãy khôi phục phiên bản trước đó của hệ điều hành, hoặc cài đặt phần mềm không tương thích với hệ điều hành kèm theo, bạn sẽ không nhận được lợi ích từ hỗ trợ kỹ thuật và sẽ bị tính phí để kỹ thuật viên đến bảo hành. Bạn cũng sẽ không được đổi sản phẩm hoặc hoàn lại tiền.



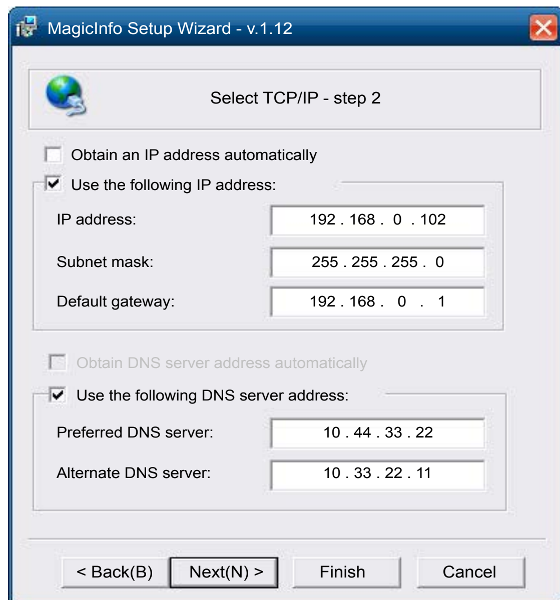
Nhập chế độ MagicInfo

1 Sau khi cài đặt và kết nối hộp mạng (bán riêng) với sản phẩm, hãy bật nguồn trên sản phẩm.

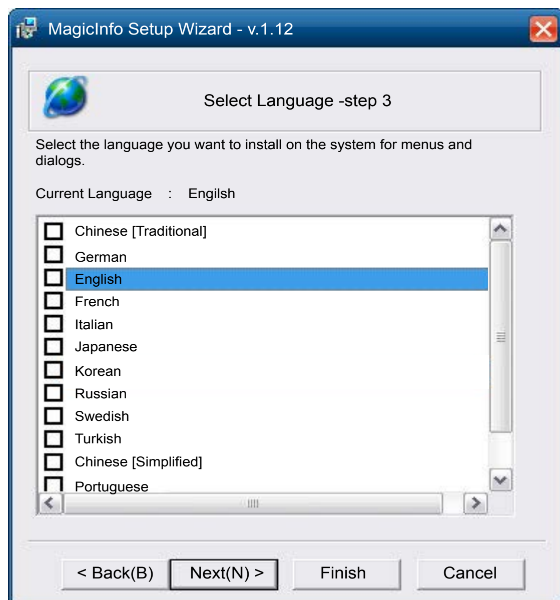
2 Hãy nhấn **SOURCE** trên điều khiển từ xa và chọn **MagicInfo**.

― Việc kết nối hộp mạng với cổng **DVI IN (MAGICINFO)** trên sản phẩm sẽ thay đổi **Source** từ **DVI** thành **MagicInfo**.

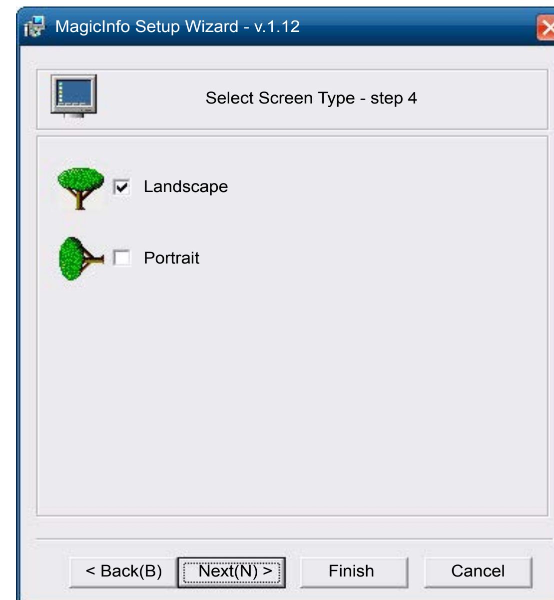
3 Chọn ứng dụng mặc định mà bạn muốn chạy khi khởi động MagicInfo.



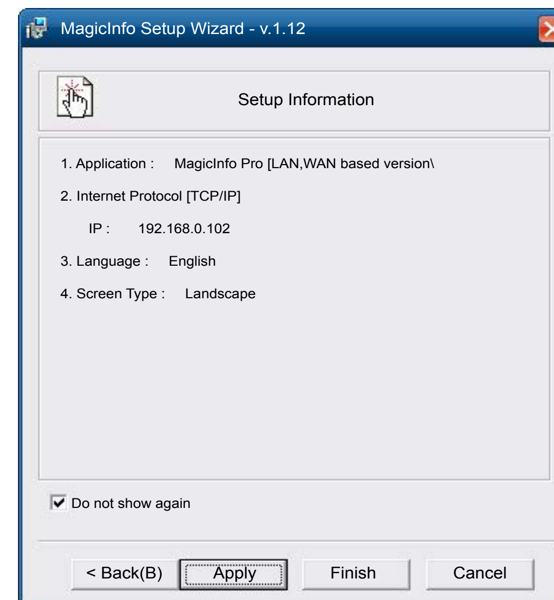
4 Nhập thông tin IP.



5 Chọn ngôn ngữ. (Ngôn ngữ mặc định là **English**.)



6 Chọn chế độ hiển thị.



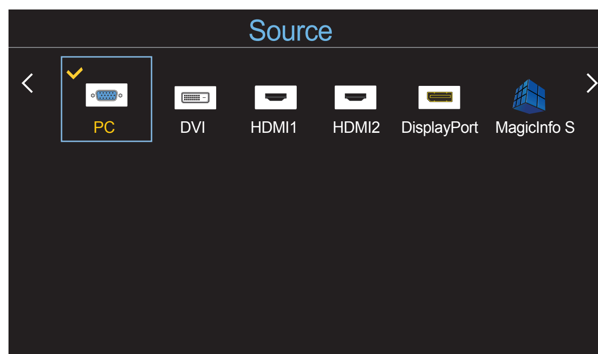
7 Kiểm tra kỹ các cài đặt mà bạn vừa đặt cấu hình.

― Nếu biểu tượng thực thi không xuất hiện, nhấp đúp vào biểu tượng **MagicInfo** trên màn hình. Biểu tượng sẽ xuất hiện ở dưới cùng bên phải của màn hình.

Thay đổi Nguồn vào

Source

SOURCE → **Source**



― Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Source cho phép bạn chọn nhiều nguồn khác nhau và thay đổi tên thiết bị nguồn.

Bạn có thể hiển thị màn hình thiết bị nguồn được kết nối với sản phẩm. Chọn một nguồn từ Source List (Danh sách nguồn) để hiển thị màn hình của nguồn được chọn.

― Bạn cũng có thể thay đổi nguồn vào bằng cách sử dụng nút **SOURCE** trên điều khiển từ xa.

― Có thể màn hình sẽ hiển thị không đúng nếu chọn một nguồn không đúng cho thiết bị nguồn bạn muốn chuyển sang.

Edit Name

SOURCE → **Source** → **TOOLS** → **Edit Name** → **ENTER**

Đôi khi màn hình sẽ không hiển thị đúng trừ khi tên một thiết bị nguồn được xác định trong **Edit Name**.

Hơn nữa, tốt nhất là đặt lại tên thiết bị nguồn trong **Edit Name** để thu được chất lượng hình ảnh tối ưu.

― Danh sách có thể bao gồm các thiết bị nguồn sau. Thiết bị **Source** trên danh sách khác nhau tùy thuộc vào nguồn được chọn.

VCR / **DVD** / **Cable STB** / **HD STB** / **Satellite STB** / **AV Receiver** / **DVD Receiver** / **Game** / **Camcorder** / **DVD Combo** / **DHR** / **PC** / **DVI PC** / **DVI Devices**

― Cài đặt sẵn có trong menu **Picture** tùy thuộc vào nguồn hiện tại và các cài đặt được thực hiện trong **Edit Name**.

- Khi kết nối PC với cổng **HDMI IN 1**, **HDMI IN 2**, hãy đặt **Edit Name** thành **PC**. Trong các trường hợp khác, đặt **Edit Name** là các thiết bị AV.
- Khi kết nối PC với cổng **HDMI IN 1**, **HDMI IN 2** bằng cáp HDMI, bạn nên đặt sản phẩm sang chế độ **PC** trong **Edit Name**.
- Khi kết nối PC với cổng **HDMI IN 1**, **HDMI IN 2** bằng cáp HDMI đến DVI, bạn nên đặt sản phẩm sang chế độ **DVI PC** trong **Edit Name**.
- Khi kết nối thiết bị AV với cổng **HDMI IN 1**, **HDMI IN 2** bằng cáp HDMI đến DVI, bạn nên đặt sản phẩm sang chế độ **DVI Devices** trong **Edit Name**.

Chương 04
Sử dụng MDC

Điều khiển nhiều màn hình "MDC" là một ứng dụng cho phép bạn dễ dàng điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính.
Để biết chi tiết về cách sử dụng chương trình MDC, hãy tham khảo Trợ giúp sau khi cài đặt chương trình này. Chương trình MDC có sẵn trên trang web.

Sau khi bạn nhấn nút **On** tiếp theo sau nút **Off**, sản phẩm sẽ mất khoảng một phút để kiểm tra trạng thái. Để chạy lệnh, hãy thử sau một phút.

Cài đặt/Gỡ bỏ chương trình MDC

Cài đặt

― Việc cài đặt MDC có thể bị ảnh hưởng bởi thẻ đồ họa, bản mạch chủ và điều kiện mạng.

1 Nhấp chuột vào chương trình cài đặt **MDC Unified**.

2 Chọn ngôn ngữ để cài đặt. Sau đó, nhấp vào "**OK**".

3 Khi màn hình "**Welcome to the InstallShield Wizard for MDC_Unified**" xuất hiện, nhấp vào "**Next**".

4 Trong cửa sổ "**License Agreement**" được hiển thị, chọn "**I accept the terms in the license agreement**" và nhấp "**Next**".

5 Trên cửa sổ "**Customer Information**" được hiển thị, điền đầy đủ các trường thông tin và nhấp chuột vào "**Next**".

6 Trong cửa sổ "**Destination Folder**" được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào "**Next**".

― Nếu không chỉ định đường dẫn thư mục, chương trình sẽ được cài đặt ở đường dẫn thư mục mặc định.

7 Trong cửa sổ "**Ready to Install the Program**" được hiển thị, đánh dấu đường dẫn thư mục để cài đặt chương trình vào và nhấp chuột vào "**Install**".

8 Tiến độ cài đặt sẽ được hiển thị.

9 Nhấp chuột vào "**Finish**" trên cửa sổ "**InstallShield Wizard Complete**" được hiển thị.

― Chọn "**Launch MDC Unified**" và nhấp vào "**Finish**" để chạy chương trình MDC ngay lập tức.

10 Biểu tượng đường dẫn tắt **MDC Unified** sẽ được tạo ra trên màn hình sau khi cài đặt.

― Biểu tượng cài đặt MDC có thể không được hiển thị tùy thuộc vào hệ thống PC hoặc thông số kĩ thuật của sản phẩm.

― Nhấn phím F5 nếu biểu tượng cài đặt không được hiển thị.

Gỡ bỏ

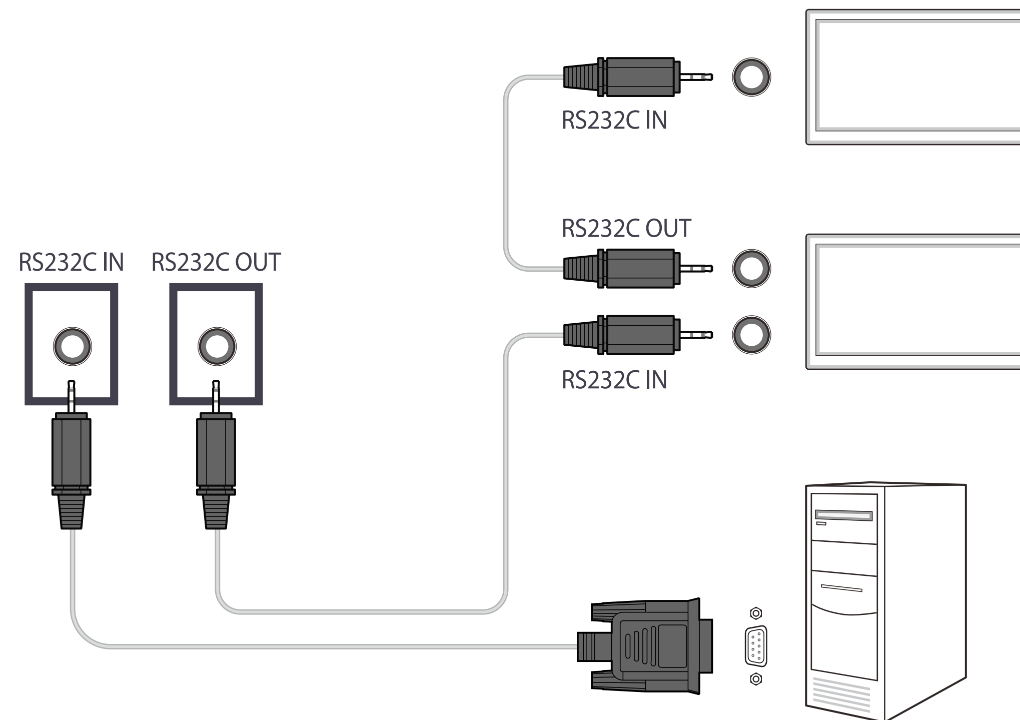
1 Chọn **Thiết lập** > **Pa-nen điều khiển** trên trình đơn **Bắt đầu** và nhấp đúp vào **Thêm/Xóa chương trình**.

2 Lựa chọn **MDC Unified** từ danh sách và nhấp chuột vào **Change/Remove**.

Kết nối với MDC

Sử dụng MDC qua RS-232C (tiêu chuẩn truyền dữ liệu nối tiếp)

Cáp nối tiếp RS-232C phải được kết nối với các cổng nối tiếp trên máy tính và màn hình.

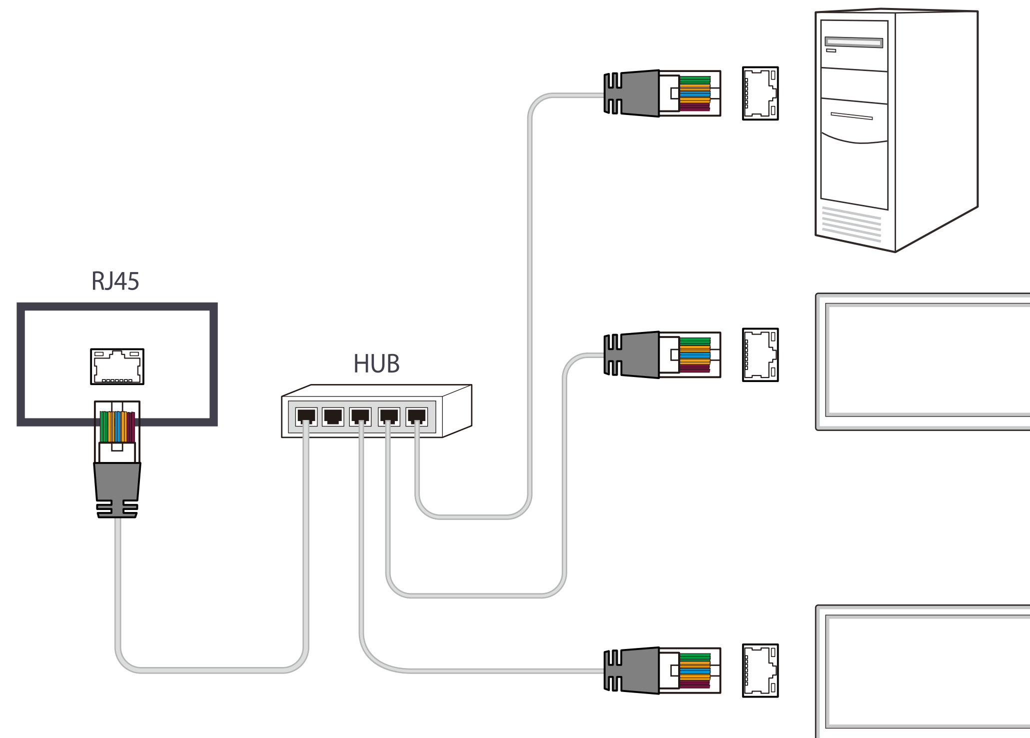


Sử dụng MDC qua Ethernet

Nhập IP cho thiết bị hiển thị chính và kết nối thiết bị với máy tính. Các thiết bị hiển thị có thể được kết nối với nhau bằng cáp LAN.

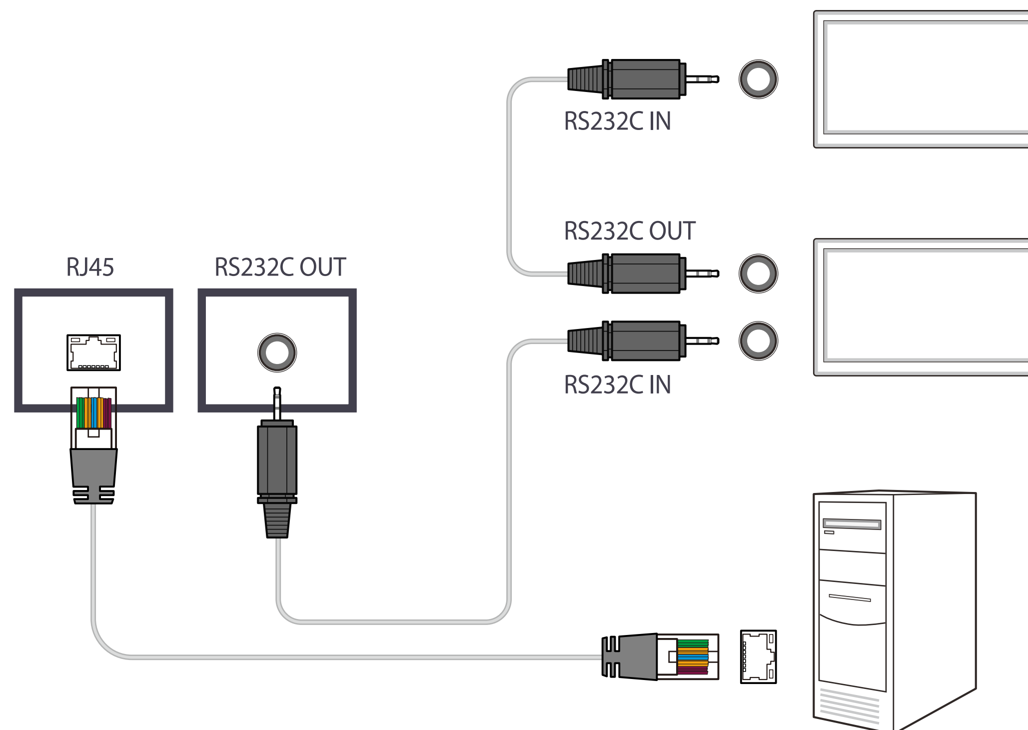
Kết nối bằng cáp LAN trực tiếp

― Nhiều sản phẩm có thể kết nối được bằng cổng **RJ45** trên sản phẩm và các cổng LAN trên HUB.



Kết nối bằng cáp LAN chéo

— Nhiều sản phẩm có thể kết nối được bằng cổng **RS232C IN / OUT** trên sản phẩm.



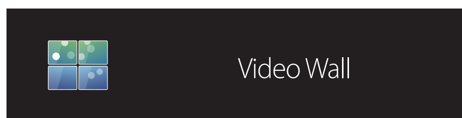
Chương 05
Tính năng trên màn hình chính

Tính năng này được cung cấp trong **Support** → **Go to Home**.

Có thể truy cập bằng nút **HOME** trên điều khiển từ xa.

Video Wall

HOME ⌂ → **Video Wall** → **ENTER** ↵



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Tùy chỉnh bố cục của nhiều màn hình được kết nối để tạo nên một tường video.

Hơn nữa, hiển thị một phần toàn bộ hình ảnh hoặc lặp lại cùng một hình ảnh trên mỗi màn hình được kết nối với nhau.

Để hiển thị nhiều hình ảnh, hãy tham khảo Trợ giúp MDC hoặc hướng dẫn người dùng MagicInfo. Một số mẫu không hỗ trợ tính năng MagicInfo.

Video Wall

Bạn có thể kích hoạt hoặc tắt kích hoạt **Video Wall**.

Để sắp xếp một tường video, hãy chọn **On**.

- **Off** / **On**

Horizontal x Vertical

Tính năng này tự động chia màn hình video treo tường dựa trên cấu hình ma trận của video treo tường.

Nhập ma trận màn hình video treo tường.

Màn hình video treo tường được phân chia dựa trên ma trận đã đặt cấu hình. Bạn có thể đặt số lượng thiết bị hiển thị theo chiều dọc hoặc chiều ngang trong khoảng 1 đến 15.

― Có thể chia màn hình video treo tường thành tối đa 225 màn hình.

― Tùy chọn **Horizontal x Vertical** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

Screen Position

Để sắp xếp lại các màn hình đã chia, hãy điều chỉnh số lượng cho từng sản phẩm trong ma trận bằng tính năng **Screen Position**.

Chọn **Screen Position** sẽ hiển thị ma trận màn hình video treo tường với số lượng được gán cho sản phẩm tạo ra video treo tường.

Để thay đổi thứ tự của thiết bị hiển thị, hãy thay đổi số của thiết bị và nhấn nút ⏎.

― Có thể sắp xếp được tối đa 255 màn hình vào **Screen Position**.

― Tùy chọn **Screen Position** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

― Để sử dụng chức năng này, hãy đảm bảo **Horizontal x Vertical** được đặt cấu hình.

Format

Chọn cách hiển thị hình ảnh trên màn hình video treo tường.

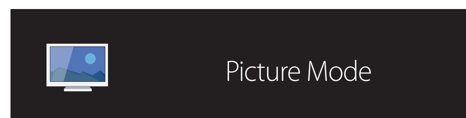
- **Full**: Hiển thị hình ảnh trong chế độ toàn màn hình.
- **Natural**: Hiển thị hình ảnh ở tỷ lệ khung hình ban đầu.

― Tùy chọn **Format** được kích hoạt khi **Video Wall** được đặt thành **On**.

― Khi sử dụng chế độ **Video Wall**, bạn nên sử dụng độ phân giải 1280x720P, 1920x1080P hoặc 3840x2160P.

Picture Mode

HOME ⌂ → **Picture Mode** → **ENTER** ↵



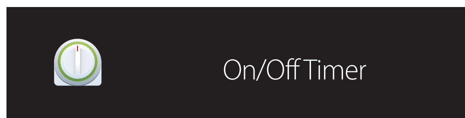
− Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Hãy chọn một chế độ hình ảnh (**Picture Mode**) phù hợp với môi trường nơi sản phẩm sẽ được sử dụng.

- **Shop & Mall**
  Phù hợp cho khu mua sắm.
  − Chọn **Video/Image** hoặc **Text** tùy thuộc vào chế độ hình ảnh.
- **Office & School**
  Phù hợp cho văn phòng và trường học.
  − Chọn **Video/Image** hoặc **Text** tùy thuộc vào chế độ hình ảnh.
- **Terminal & Station**
  Phù hợp cho bến xe buýt và nhà ga.
  − Chọn **Video/Image** hoặc **Text** tùy thuộc vào chế độ hình ảnh.
- **Video Wall**
  Phù hợp cho các môi trường sử dụng màn hình video treo tường.
  − Chọn **Video/Image** hoặc **Text** tùy thuộc vào chế độ hình ảnh.
- **Calibration**
  Trong chế độ này, các cài đặt độ sáng, màu sắc, giá trị gamma và tính đồng nhất được tùy chỉnh bằng cách sử dụng chương trình hiệu chỉnh màu sắc **Advanced Color Management** được áp dụng.
  − Để áp dụng chế độ **Calibration** đúng cách, hãy đảm bảo rằng bạn đặt cấu hình các cài đặt về chất lượng hình ảnh, chẳng hạn như độ sáng, màu sắc, giá trị gamma và tính đồng nhất, bằng cách sử dụng chương trình hiệu chỉnh màu sắc **Advanced Color Management**.
  − Để tải xuống chương trình **Advanced Color Management**, hãy truy cập www.samsung.com/displaysolutions.

On/Off Timer

HOME ⌂ → **On/Off Timer** → **ENTER** ↵



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

― Bạn phải cài đặt đồng hồ trước khi có thể sử dụng **Clock Set**.

On Timer

Cài đặt **On Timer** để sản phẩm của bạn tự động bật vào giờ và ngày mà bạn chọn.

Nguồn tắt với âm lượng hoặc nguồn vào đã xác định.

On Timer: Cài đặt hẹn giờ bật bằng cách lựa chọn từ một trong bảy tùy chọn. Đảm bảo bạn cài đặt thời gian hiện tại trước tiên.

(**On Timer 1** ~ **On Timer 7**)

- **Setup**: Chọn **Off**, **Once**, **Everyday**, **Mon~Fri**, **Mon~Sat**, **Sat~Sun** hoặc **Manual**.
  Nếu bạn chọn **Manual**, bạn có thể chọn ngày bạn muốn **On Timer** bật sản phẩm.
  – Dấu chọn cho biết số ngày bạn đã chọn.
- **Time**: Đặt giờ và phút. Sử dụng các nút số hoặc mũi tên lên và xuống để nhập số. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi trường nhập.
- **Volume**: Đặt mức âm lượng mong muốn. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi mức âm lượng.
- **Source**: Chọn nguồn vào như bạn muốn.

Off Timer

Cài đặt hẹn giờ tắt (**Off Timer**) bằng cách lựa chọn từ một trong bảy tùy chọn. (**Off Timer 1** ~ **Off Timer 7**)

- **Setup**: Chọn **Off**, **Once**, **Everyday**, **Mon~Fri**, **Mon~Sat**, **Sat~Sun** hoặc **Manual**.
  Nếu bạn chọn **Manual**, bạn có thể chọn ngày bạn muốn **Off Timer** tắt sản phẩm.
  – Dấu chọn cho biết số ngày bạn đã chọn.
- **Time**: Đặt giờ và phút. Sử dụng các nút số hoặc mũi tên lên và xuống để nhập số. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để thay đổi trường nhập.

Holiday Management

Bộ hẹn giờ sẽ bị tắt trong thời gian được chỉ định là kì nghỉ.

- **Add Holiday**: Xác định khoảng thời gian bạn muốn thêm như là ngày nghỉ.
  Chọn ngày bắt đầu và kết thúc của ngày nghỉ mà bạn muốn thêm bằng các nút ▲/▼ và nhấp vào nút **Save**.
  Khoảng thời gian này sẽ được thêm vào danh sách các ngày nghỉ.
  - **Start**: Đặt ngày bắt đầu của ngày nghỉ.
  - **End**: Đặt ngày kết thúc của ngày nghỉ.

  ― **Edit**: Chọn mục ngày nghỉ và thay đổi ngày.

  ― **Delete**: Xóa các mục đã chọn khỏi danh sách các ngày nghỉ.
- **Set Applied Timer**: Đặt **On Timer** và **Off Timer** không kích hoạt vào ngày nghỉ công.
  - Nhấn ⏎ để chọn các cài đặt **On Timer** và **Off Timer** bạn không muốn kích hoạt.
  - **On Timer** và **Off Timer** sẽ không kích hoạt.

Network Settings

HOME ⌂ → **Network Settings**→ **ENTER** ↵



− Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Xem cài đặt mạng.

Network Settings

IP Setting — Enter manually

IP Address *** . *** . *** . ***

Subnet Mask *** . *** . *** . ***

Gateway *** . *** . *** . ***

Save Close

- **IP Setting**: **Obtain automatically**, **Enter manually**
- **IP Address**: Nhập thủ công **IP Address** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Enter manually**.
- **Subnet Mask**: Nhập thủ công **Subnet Mask** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Enter manually**.
- **Gateway**: Nhập thủ công **Gateway** nếu **IP Setting** được cài đặt là **Enter manually**.

MagicInfo Player I

HOME ⌂ → **MagicInfo Player I** → **ENTER** ↵



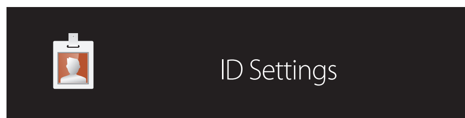
– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Thay đổi nguồn thành **MagicInfo Player I**.

MagicInfo Player I xuất bản và phát nhiều nội dung, bao gồm cả nội dung đã tạo và nội dung đa phương tiện (hình ảnh, video và nội dung âm thanh) từ máy chủ hoặc thiết bị được kết nối.

ID Settings

HOME ⌂ → **ID Settings** → **ENTER** ↵



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Gán một ID cho máy.

Nhấn ▲/▼ để chọn một số và nhấn ↵.

ID Settings

Nhập số ID của sản phẩm kết nối với cáp tín hiệu đầu vào để nhận tín hiệu đầu vào. (Phạm vi: 0~224)

― Nhập số bạn muốn bằng cách sử dụng các phím số trên điều khiển từ xa.

Device ID Auto Set

― Tự động gán số ID cho tất cả sản phẩm đã được kết nối.

PC Connection Cable

Chọn một phương pháp để kết nối với MDC để nhận tín hiệu MDC.

- **RS232C cable**
  Giao tiếp với MDC qua cáp stereo RS232C.
- **RJ45(LAN) cable**
  Giao tiếp với MDC qua cáp stereo RJ45.

More settings

HOME ⌂ → **More settings** → **ENTER** ↵



More settings

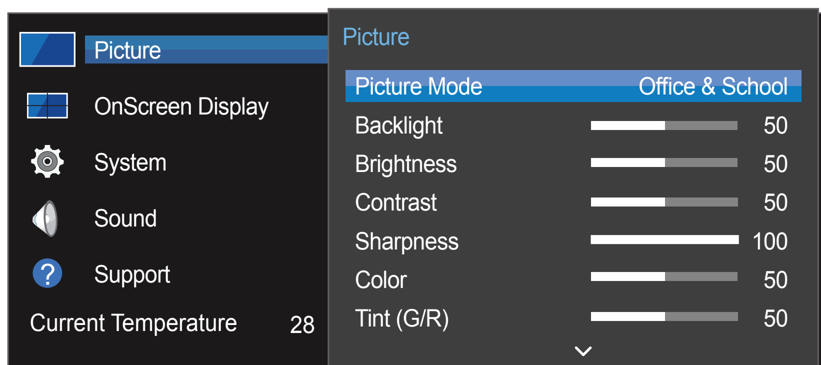
– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Trình đơn cài đặt hình ảnh sẽ xuất hiện.

Chương 06
Điều chỉnh màn hình

Cấu hình cài đặt **Picture** (**Backlight**, **Color Tone**, v.v).

Bố trí các tùy chọn trong menu **Picture** có thể khác nhau tùy thuộc vào từng sản phẩm.



― Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Picture Mode

MENU → **Picture** → **Picture Mode** → **ENTER**

Hãy chọn một chế độ hình ảnh (**Picture Mode**) phù hợp với môi trường nơi sản phẩm sẽ được sử dụng.

- **Shop & Mall**
  Phù hợp cho khu mua sắm.
  – Chọn **Video/Image** hoặc **Text** tùy thuộc vào chế độ hình ảnh.
- **Office & School**
  Phù hợp cho văn phòng và trường học.
  – Chọn **Video/Image** hoặc **Text** tùy thuộc vào chế độ hình ảnh.
- **Terminal & Station**
  Phù hợp cho bến xe buýt và nhà ga.
  – Chọn **Video/Image** hoặc **Text** tùy thuộc vào chế độ hình ảnh.
- **Video Wall**
  Phù hợp cho các môi trường sử dụng màn hình video treo tường.
  – Chọn **Video/Image** hoặc **Text** tùy thuộc vào chế độ hình ảnh.
- **Calibration**
  Trong chế độ này, các cài đặt độ sáng, màu sắc, giá trị gamma và tính đồng nhất được tùy chỉnh bằng cách sử dụng chương trình hiệu chỉnh màu sắc **Advanced Color Management** được áp dụng.
  – Để áp dụng chế độ **Calibration** đúng cách, hãy đảm bảo rằng bạn đặt cấu hình các cài đặt về chất lượng hình ảnh, chẳng hạn như độ sáng, màu sắc, giá trị gamma và tính đồng nhất, bằng cách sử dụng chương trình hiệu chỉnh màu sắc **Advanced Color Management**.
  – Để tải xuống chương trình **Advanced Color Management**, hãy truy cập www.samsung.com/displaysolutions.

Backlight / Brightness / Contrast / Sharpness / Color / Tint (G/R)

MENU ▥ → **Picture** → **ENTER** ↵

Sản phẩm của bạn có nhiều tùy chọn để điều chỉnh chất lượng hình ảnh.

Picture Mode	Cài đặt Picture Mode	Các tùy chọn có thể điều chỉnh
Shop & Mall, **Office & School**, **Terminal & Station**, **Video Wall**	**Video/Image**	**Backlight** / **Brightness** / **Contrast** / **Sharpness** / **Color** / **Tint (G/R)**
	Text	**Backlight** / **Brightness** / **Contrast** / **Sharpness**
Calibration		**Backlight**

― Khi bạn thực hiện thay đổi đối với **Backlight**, **Brightness**, **Contrast**, **Sharpness**, **Color** hoặc **Tint (G/R)**, OSD sẽ được điều chỉnh tương ứng.

― Bạn có thể điều chỉnh và lưu cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi mà bạn đã kết nối với đầu vào trên sản phẩm.

― Việc giảm độ sáng hình ảnh giúp giảm mức tiêu thụ điện.

Color Temperature

MENU ▥ → **Picture** → **Color Temperature** → **ENTER** ↵

Điều chỉnh nhiệt độ màu. (Phạm vi: 2800K-16000K)

― Nếu **Picture Mode** được đặt thành **Calibration**, **Color Temperature** sẽ bị tắt.

White Balance

MENU ▥ → **Picture** → **White Balance** → **ENTER** ↵

Điều chỉnh nhiệt độ màu để có hình ảnh tự nhiên hơn.

- **R-Gain** / **G-Gain** / **B-Gain**: Điều chỉnh độ sáng của từng màu (đỏ, xanh lá cây, xanh dương).
- **Reset**: Phù hợp cho các môi trường sử dụng màn hình video treo tường.

Gamma

MENU ▥ → **Picture** → **Gamma** → **ENTER** ↵

Điều chỉnh độ đậm của màu chính.

― Nếu **Picture Mode** được đặt thành **Calibration**, **Gamma** sẽ bị tắt.

Calibrated Value

MENU ▥ → **Picture** → **Calibrated Value** → **ENTER** ↵

Chọn xem có áp dụng các cài đặt về độ sáng, màu sắc, giá trị gamma và tính đồng nhất được tùy chỉnh bằng cách sử dụng chương trình hiệu chỉnh màu sắc **Advanced Color Management** vào các chế độ Thông tin và Quảng cáo hay không.

- **Don't Apply** / **Apply**

― Để tải xuống chương trình **Advanced Color Management**, hãy truy cập www.samsung.com/displaysolutions.

― Nếu **Picture Mode** được đặt thành **Calibration**, **Calibrated Value** sẽ bị tắt.

Picture Options

MENU ▥ → **Picture** → **Picture Options** → **ENTER** ↵

Picture Mode	**Cài đặt Picture Mode**	**Các tùy chọn có thể điều chỉnh**
Shop & Mall, **Office & School**, **Terminal & Station**, **Video Wall**	**Video/Image**	**Color Tone** / **HDMI Black Level** / **Dynamic Backlight** / **UHD COLOR**
	Text	**Color Tone** / **HDMI Black Level** / **Dynamic Backlight** / **UHD COLOR**
Calibration		**Dynamic Backlight** / **UHD COLOR**

Color Tone

Nếu **Picture Mode** được đặt thành **Text**.

- **Off** / **Cool** / **Standard** / **Warm**

Nếu **Picture Mode** được đặt thành **Video/Image**.

- **Off** / **Cool** / **Standard** / **Warm1** / **Warm2**

― Nếu **Picture Mode** được đặt thành **Calibration**, **Color Tone** sẽ bị tắt.

― Có thể điều chỉnh và lưu trữ cài đặt cho từng thiết bị ngoại vi được kết nối với đầu vào trên sản phẩm.

HDMI Black Level

Chọn mức màu đen trên màn ảnh để điều chỉnh độ sâu của màn ảnh.

- **Low** / **Normal**

― Tùy chọn này không khả dụng nếu nguồn vào được đặt thành **PC**.

Dynamic Backlight

Tự động điều chỉnh đèn nền để mang lại độ tương phản màn hình tốt nhất có thể trong các điều kiện hiện tại.

- **Off** / **On**

― **Dynamic Backlight** không khả dụng khi nguồn vào được đặt thành **PC** trong khi **Video Wall** đang **On**.

UHD COLOR

- **HDMI1** : **Off** / **On**
- **HDMI2** : **Off** / **On**
- **DisplayPort** : **Off** / **On**

― Để bật nguồn đầu vào UHD, hãy đặt **UHD COLOR** thành **On**.

― Nếu màn hình được kết nối qua Loopout khi đang sử dụng độ phân giải UHD, hãy đặt **UHD COLOR** thành **On** trên tất cả màn hình.

― Có thể kết nối tối đa 25 màn hình qua Loopout khi sử dụng độ phân giải UHD.

― Để sử dụng chế độ **UHD COLOR** qua cáp HDMI, bạn nên sử dụng cáp HDMI tương thích với HDMI 2.0. Đảm bảo rằng cáp dài dưới 2m.

― Chuyển đổi **UHD COLOR** giữa **On** và **Off** sẽ mất vài phút.

― Nếu bạn kết nối giắc cắm HDMI/DP đã bật **UHD COLOR** với thiết bị không hỗ trợ nội dung UHD, thiết bị có thể không hoạt động đúng cách. Kết nối thiết bị hỗ trợ nội dung UHD.

Picture Size

MENU ▥ → **Picture** → **Picture Size** → **ENTER** ↵

chọn kích thước và tỷ lệ khung hình của hình ảnh được hiển thị trên màn hình.

Picture Size

Các tùy chọn điều chỉnh màn hình khác nhau được hiển thị tùy thuộc vào nguồn tín hiệu đầu vào hiện tại.

Các tùy chọn **Picture Size** khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào việc **Picture Mode** là **Video/Image** hay **Text**.

- **16:9**: Đặt hình ảnh thành chế độ rộng **16:9**.
- **Zoom1**: Sử dụng cho phóng to vừa phải. Cắt bớt phần trên cùng và các cạnh.
- **Zoom2**: Sử dụng cho phóng to mức độ lớn hơn.
- **Smart View 1**: Giảm hình ảnh **16:9** xuống 50%.

  ― **Smart View 1** chỉ được bật ở chế độ **HDMI1**, **HDMI2**.
- **Smart View 2**: Giảm mép trên và mép dưới của màn hình **16:9** 25%.

  ― **Smart View 2** chỉ được bật ở chế độ **HDMI1**, **HDMI2**.
- **Wide**: Mở rộng tỷ lệ khung hình của hình ảnh để vừa toàn bộ màn hình.
- **4:3**: Đặt hình ảnh thành chế độ (**4:3**) cơ bản.

  ― Không đặt sản phẩm về định dạng **4:3** lâu.
  Các đường viền hiển thị ở bên trái và bên phải hoặc trên và dưới màn hình có thể gây ra hiện tượng giữ lại hình ảnh (cháy màn hình). Hiện tượng này không được bao gồm trong bảo hành.
- **Screen Fit**: Hiển thị hình ảnh đầy đủ mà không bị cắt bớt khi tín hiệu **HDMI1**, **HDMI2** (720p / 1080i / 1080p) được đưa vào.
- **Custom**: Thay đổi độ phân giải cho phù hợp với tùy chọn của người dùng.
- **Original**: Hiển thị hình ảnh ở chất lượng hình ảnh ban đầu.

  ― Các cổng sẵn có có thể khác nhau tùy theo mẫu.

Zoom/Position

Điều chỉnh vị trí và kích thước màn hình.

Có thể đặt cấu hình tùy chọn này nếu nguồn vào hỗ trợ 1080i hoặc 1080p và **Picture Size** là **Custom**.

― Tùy chọn này không được hỗ trợ khi PC được kết nối.

― Từ màn hình **Zoom/Position**, làm theo các bước bên dưới.

1 Nhấn nút ▼ để chọn **Zoom/Position**. Nhấn nút ↵.

2 Chọn **Zoom** hoặc **Position**. Nhấn nút ↵.

3 Nhấn nút ▲/▼/◀/▶ để di chuyển hình ảnh.

4 Nhấn nút ↵.

― Nếu bạn muốn đặt lại hình ảnh về vị trí ban đầu, chọn **Reset** trong màn hình **Zoom/Position**.
Hình ảnh sẽ được đặt về vị trí mặc định.

Resolution

Nếu ngay cả khi độ phân giải của card hình thuộc một trong các trường hợp sau đây mà hình ảnh vẫn không bình thường, thì bạn có thể tối ưu hóa chất lượng hình ảnh bằng cách lựa chọn cùng một độ phân giải cho cả sản phẩm như PC thông qua trình đơn dưới đây.

Độ phân giải sẵn có: **Off** / **1024 x 768** / **1280 x 768** / **1360 x 768** / **1366 x 768**

Auto Adjustment

MENU ▥ → **Picture** → **Auto Adjustment** → **ENTER** ↵

— Chỉ có sẵn ở chế độ **PC**.

Điều chỉnh giá trị tần số/vị trí và tinh chỉnh cài đặt tự động.

PC Screen Adjustment

MENU ▥ → **Picture** → **PC Screen Adjustment** → **ENTER** ↵

— Chỉ có sẵn ở chế độ **PC**.

- **Coarse** / **Fine**

  Loại bỏ hoặc giảm nhiễu hình ảnh.

  Nếu không loại bỏ được hiện tượng nhiễu chỉ bằng chức năng Tinh chỉnh, hãy sử dụng chức năng **Coarse** để điều chỉnh tần số ở mức tốt nhất có thể (**Coarse**) và Tinh chỉnh lần nữa. Sau khi hiện tượng nhiễu đã giảm đi, điều chỉnh lại hình ảnh để hình ảnh thẳng hàng với tâm màn hình.

- **Position**

  Để điều chỉnh vị trí màn hình của PC nếu màn hình không ở tâm hoặc không vừa màn hình sản phẩm.

  Nhấn nút ▲ hoặc ▼ để điều chỉnh Vị trí dọc. Nhấn nút ◄ hoặc ► để điều chỉnh Vị trí ngang.

- **Image Reset**

  Đặt lại hình ảnh về cài đặt mặc định.

Picture Off

MENU ▥ → **Picture** → **Picture Off** → **ENTER** ↵

Chọn **Picture Off** sẽ tắt màn hình. Âm lượng không tắt.

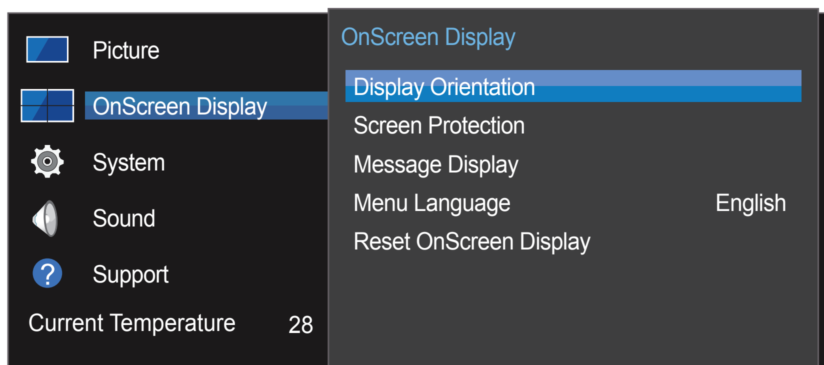
Để bật màn hình, nhấn bất kỳ nút nào không phải là nút âm lượng.

Reset Picture

MENU ▥ → **Picture** → **Reset Picture** → **ENTER** ↵

Đặt lại chế độ hình ảnh hiện tại của bạn về cài đặt mặc định.

Chương 07
OnScreen Display



― Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Display Orientation

MENU ▥ → **OnScreen Display** → **Display Orientation** → **ENTER** ↵

Onscreen Menu Orientation

Đặt hướng màn hình menu.

- **Landscape**: Hiển thị menu ở chế độ ngang (mặc định).
- **Portrait**: Hiển thị menu ở chế độ dọc ở bên phải màn hình sản phẩm.

Source Content Orientation

Đặt hướng nội dung từ thiết bị bên ngoài được kết nối với sản phẩm.

- **Landscape**: Hiển thị màn hình ở chế độ ngang (mặc định).
- **Portrait**: Hiển thị màn hình ở chế độ dọc.

― Chế độ hướng **Portrait** không được hỗ trợ khi đang sử dụng độ phân giải UHD.

Aspect Ratio

Đặt màn hình xoay ở chế độ toàn màn hình hoặc ban đầu.

- **Full Screen**: Hiển thị màn hình xoay ở chế độ toàn màn hình.
- **Original**: Hiển thị màn hình xoay ở tỷ lệ khung hình ban đầu.

― Chỉ khả dụng khi **Source Content Orientation** được đặt thành **Portrait**.

Screen Protection

MENU Ⅲ → **OnScreen Display** → **Screen Protection** → **ENTER**

Để giảm khả năng điểm ảnh chết trên màn hình, thiết bị này có trang bị công nghệ ngăn điểm ảnh chết trên màn hình **Pixel Shift**.

Pixel Shift di chuyển hình ảnh trên màn hình một chút.

Cài đặt thời gian **Pixel Shift** cho phép bạn lập trình thời gian giữa các lần di chuyển của hình ảnh theo phút.

Pixel Shift

Giảm thiểu hiện tượng giữ lại hình ảnh bằng cách di chuyển điểm ảnh theo chiều ngang hoặc chiều dọc.

- **Pixel Shift** (**Off** / **On**)

― **Horizontal**, **Vertical** và **Time** được kích hoạt khi **Pixel Shift** được đặt thành **On**.

- **Horizontal**: Đặt số lượng điểm ảnh mà màn hình sẽ di chuyển theo chiều ngang.
- **Vertical**: Đặt số lượng điểm ảnh mà màn hình sẽ di chuyển theo chiều dọc.
- **Time**: Đặt khoảng thời gian để thực hiện di chuyển theo chiều ngang hoặc chiều dọc, tương ứng.

Cài đặt Pixel Shift và Cài đặt tối ưu khả dụng.

	Cài đặt sẵn có	Cài đặt tối ưu
Horizontal (điểm ảnh)	**0** ~ **4**	**4**
Vertical (điểm ảnh)	**0** ~ **4**	**4**
Time (phút)	**1 min.** ~ **4 min.**	**4 min.**

― Giá trị **Pixel Shift** có thể khác nhau tùy thuộc vào kích thước sản phẩm (inch) và chế độ.

― Hiển thị hình ảnh tĩnh hoặc đầu ra **4:3** trong một khoảng thời gian dài có thể gây ra hiện tượng giữ lại hình ảnh. Đây không phải là hỏng hóc của sản phẩm.

Timer

Bạn có thể đặt hẹn giờ cho **Screen Protection**.

Tính năng **Screen Protection** tự động dừng sau một khoảng thời gian cụ thể.

- **Timer** (**Off** / **Repeat** / **Interval**)
  - **Off**
  - **Repeat**: Hiển thị kiểu giúp chống hiện tượng lưu ảnh trong khoảng thời gian nhất định.
  - **Interval**: Hiển thị kiểu giúp chống hiện tượng lưu ảnh trong khoảng thời gian nhất định (từ thời gian bắt đầu tới thời gian kết thúc).

― Khi **Clock Set** được đặt cấu hình, **Interval** sẽ được bật.

― **Period**, **Start Time** và **End Time** được kích hoạt khi **Timer** được đặt thành **Repeat** hoặc **Interval**.

- **Period**: Xác định khoảng thời gian chờ để kích hoạt chức năng **Screen Protection**.

― Tùy chọn được bật khi **Repeat** được chọn cho **Timer**.

- **Start Time**: Đặt thời gian bắt đầu để kích hoạt chức năng bảo vệ màn hình.

― Tùy chọn được bật khi **Interval** được chọn cho **Timer**.

- **End Time**: Đặt thời gian kết thúc để tắt kích hoạt chức năng bảo vệ màn hình.

― Tùy chọn được bật khi **Interval** được chọn cho **Timer**.

Immediate Display

Chọn chế độ bảo vệ màn hình bạn muốn hiển thị ngay lập tức.

- **Off** / **Fading Screen**

Side Gray

Khi màn hình được đặt sang tỷ lệ khung hình 4:3, điều chỉnh độ sáng của các cạnh màu trắng ở các bên để bảo vệ màn hình.

- **Off** / **Light** / **Dark**

Message Display

MENU ▥ → **OnScreen Display** → **Message Display** → **ENTER** ↵

Source Info

Chọn xem có hiển thị OSD nguồn khi nguồn tín hiệu đầu vào thay đổi hay không.

- **Off** / **On**

No Signal Message

Chọn có hiển thị OSD không tín hiệu khi không phát hiện thấy tín hiệu không.

- **Off** / **On**

MDC Message

Chọn có hiển thị MDC OSD khi sản phẩm được MDC điều khiển không.

- **Off** / **On**

Menu Language

MENU ▥ → **OnScreen Display** → **Menu Language** → **ENTER** ↵

Cài đặt ngôn ngữ trình đơn.

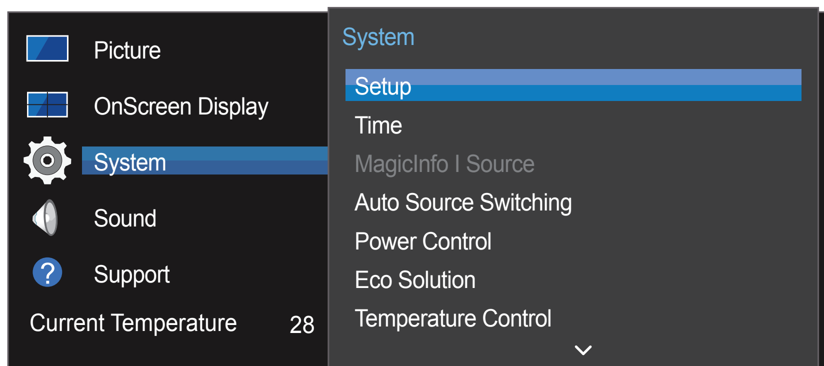
― Thay đổi cài đặt ngôn ngữ sẽ chỉ được áp cho hiển thị trình đơn trên màn hình. Thay đổi này sẽ không được áp cho những tính năng khác trên máy tính.

Reset OnScreen Display

MENU ▥ → **OnScreen Display** → **Reset OnScreen Display** → **ENTER** ↵

Tùy chọn này đổi cài đặt hiện tại trong **OnScreen Display** về cài đặt xuất xưởng mặc định.

Chương 08
System



– Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Setup

MENU ▥ → **System** → **Setup** → **ENTER** ↵

Thay đổi cài đặt ban đầu đã được đặt cấu hình khi bạn sử dụng sản phẩm lần đầu tiên.
Nhấn nút ⏻.

1 **Language**

Chọn ngôn ngữ của bạn để bắt đầu cài đặt trên màn hình.

2 **Rotate Menu**

Chọn hướng dẫn hiển thị trình đơn tùy theo hướng dẫn cài đặt.

– **Landscape** / **Portrait**

3 **Network Settings**

Đặt cài đặt IP, sau đó chọn **Next**.

4 **Clock Set**

Đặt ngày và giờ hiện tại rồi chọn **Next**.

5 **Complete**

Xin chúc mừng! Cài đặt đã hoàn tất và bạn đã sẵn sàng để bắt đầu.

Time

MENU ▥ → **System** → **Time** → **ENTER** ↵

Bạn có thể đặt cấu hình **Clock Set** hoặc **Sleep Timer**. Bạn có thể cài đặt sản phẩm tự động bật hoặc tắt vào một thời điểm nhất định sử dụng chức năng **Timer**.

― Nhấn nút **INFO** nếu bạn muốn xem giờ hiện tại.

Clock Set

Chọn **Clock Set**. Chọn **Date** hoặc **Time**, rồi nhấn ↵.

Sử dụng các nút số để nhập số hoặc nhấn nút mũi tên lên và xuống. Sử dụng các nút mũi tên trái và phải để di chuyển từ một trường nhập sang trường nhập tiếp theo. Nhấn ↵ khi hoàn tất.

― Bạn có thể cài đặt trực tiếp **Date** và **Time** bằng cách nhấn các nút số trên điều khiển từ xa.

DST

Bật hoặc tắt chức năng DST (Quy ước giờ mùa hè).

Off / **On**

- **Start Date**: Đặt ngày bắt đầu của Quy ước giờ mùa hè.
- **End Date**: Đặt ngày kết thúc của Quy ước giờ mùa hè.
- **Time Offset**: Chọn giá trị bù thời gian chính xác cho múi giờ của bạn.

Sleep Timer

Tự động tắt sản phẩm sau một khoảng thời gian được đặt trước.

(**Off** / **30 min.** / **60 min.** / **90 min.** / **120 min.** / **150 min.** / **180 min.**)

― Sử dụng các mũi tên lên và xuống để chọn khoảng thời gian, sau đó nhấn ↵. Để hủy **Sleep Timer**, chọn **Off**.

Power On Delay

Khi kết nối nhiều sản phẩm, điều chỉnh thời gian bật nguồn cho từng sản phẩm để tránh quá tải điện (trong khoảng 0–50 giây).

MagicInfo I Source

MENU ▥ → **System** → **MagicInfo I Source** → **ENTER** ↵

― Tính năng **MagicInfo I Source** khả dụng nếu hộp mạng (được bán riêng) được kết nối.

Nhấn **MagicInfo Player I** trên điều khiển từ xa sẽ hiển thị nội dung được kết nối với hộp mạng (được bán riêng).

- **DVI** / **DisplayPort**

Auto Source Switching

MENU ▥ → **System** → **Auto Source Switching** → **ENTER** ↵

Bật màn hình hiển thị có **Auto Source Switching On**, và nguồn video đã lựa chọn trước đó không hoạt động, thì màn hình sẽ tự động tìm kiếm các nguồn video đầu vào khác nhau để tìm ra video hoạt động.

Auto Source Switching

Khi **Auto Source Switching** đang **On**, nguồn video hiển thị trên màn hình sẽ tự động được tìm kiếm để tìm ra video hoạt động.

Lựa chọn **Primary Source** sẽ được kích hoạt nếu nguồn video hiện tại không được nhận dạng.

Lựa chọn **Secondary Source** sẽ được kích hoạt, nếu không có nguồn video sơ cấp nào hoạt động.

Nếu hệ thống không nhận dạng cả nguồn tín hiệu đầu vào sơ cấp và thứ cấp, màn hình sẽ tiến hành hai lượt tìm kiếm để tìm nguồn tín hiệu hoạt động, mỗi lượt tìm kiếm sẽ kiểm tra nguồn tín hiệu sơ cấp trước rồi chuyển sang nguồn tín hiệu thứ cấp. Nếu cả hai lượt tìm kiếm đều thất bại, màn hình sẽ trở lại nguồn tín hiệu video đầu tiên và hiển thị thông điệp cho biết không có tín hiệu.

Khi lựa chọn **Primary Source** được cài đặt thành **All**, màn hình sẽ lần lượt tìm kiếm tất cả các tín hiệu đầu vào video hai lần để tìm nguồn video hoạt động, và trở lại nguồn video đầu tiên trong dãy thứ tự nếu như không tìm thấy nguồn video nào.

Primary Source Recovery

Chọn khôi phục nguồn vào chính đã chọn khi nguồn vào chính được kết nối.

― Chức năng **Primary Source Recovery** bị tắt nếu **Primary Source** được đặt thành **All**.

Primary Source

Xác định **Primary Source** cho nguồn vào tự động.

Secondary Source

Xác định **Secondary Source** cho nguồn vào tự động.

Power Control

MENU Ⅲ → **System** → **Power Control** → **ENTER** ↵

Auto Power On

Tính năng này tự động bật trên sản phẩm ngay khi được cắm điện. Bạn không cần nhấn nút nguồn.

- **Off** / **On**

PC Module Power

Mô đun PC có thể được bật/tắt một cách riêng biệt từ LFD.

Synced Power-On

Để tắt LFD mà không tắt mô đun PC, chọn **Off**.

- **Off** / **On**

Synced Power-Off

Để bật mô đun PC mà không bật LFD, chọn **Off**.

- **Off** / **On**

Standby Control

Bạn có thể đặt chế độ chờ cho màn hình được áp khi nhận được tín hiệu đầu vào.

- **Auto**
  Chế độ tiết kiệm năng lượng sẽ được kích hoạt khi không phát hiện tín hiệu đầu vào nào thậm chí thiết bị nguồn được kết nối với màn hình.
  Sẽ có thông báo **No Signal** nếu không có thiết bị nguồn nào được kết nối.
- **Off**
  Sẽ có thông báo **No Signal** nếu không phát hiện tín hiệu đầu vào nào.

― Nếu **No Signal** hiển thị cho dù thiết bị nguồn được kết nối, hãy kiểm tra kết nối cáp.

― Nếu **No Signal Message** được đặt thành **Off**,thông báo **No Signal** sẽ không xuất hiện.
Nếu gặp trường hợp này, hãy đặt **No Signal Message** thành **On**.

- **On**
  Chế độ tiết kiệm năng lượng sẽ được kích hoạt khi không phát hiện tín hiệu đầu vào nào.

Network Standby

Tính năng này giữ nguồn của mạng luôn bật khi tắt sản phẩm.

- **Off** / **On**

Power Button

Bạn có thể đặt nút nguồn để bật nguồn hoặc bật/tắt nguồn.

- **Power On Only**: Đặt nút nguồn để bật nguồn.
- **Power On/Off**: Đặt nút nguồn để bật/tắt nguồn.

Eco Solution

MENU Ⅲ → **System** → **Eco Solution** → **ENTER** ↵

Energy Saving

Giảm tiêu thụ điện bằng cách điều chỉnh độ sáng màn hình.

- **Off** / **Low** / **Medium** / **High**

Eco Sensor

Để tăng khả năng tiết kiệm điện, cài đặt hình ảnh sẽ tự động thích nghi với ánh sáng trong phòng.

- **Off** / **On**

― Điều chỉnh cài đặt **High** trong **Picture** trong khi **Eco Sensor** đang bật sẽ tắt **Off**.

Min. Backlight

Khi **Eco Sensor** đang **On**, Bạn có thể điều chỉnh thủ công độ sáng màn hình tối thiểu. **Min. Backlight** là chế độ đèn nền tối nhất. Đảm bảo cài đặt **Min. Backlight** thấp hơn cài đặt **Backlight**.

― Nếu **Eco Sensor** đang **On**, độ sáng màn hình có thể thay đổi (trở nên hơi tối hơn hoặc hơi sáng hơn) tùy thuộc vào cường độ ánh sáng xung quanh.

Screen Lamp Schedule

Độ sáng của pa-nen được điều chỉnh theo **Screen Lamp Schedule**. Giá trị càng gần 100 thì pa-nen càng sáng hơn.

― Tùy chọn này được bật khi **Clock Set** được cấu hình.

- **Off** / **On**

No Signal Power Off

Tiết kiệm điện bằng cách tắt thiết bị khi không nhận tín hiệu từ bất kỳ nguồn nào.

- **Off** / **15 min.** / **30 min.** / **60 min.**

― Tắt khi máy tính được kết nối đang ở chế độ tiết kiệm điện.

― Sản phẩm sẽ tự động tắt nguồn tại một thời điểm nhất định. Thời điểm này có thể được thay đổi theo yêu cầu.

Auto Power Off

Sản phẩm sẽ tự động tắt nếu bạn không nhấn nút trên điều khiển từ xa hoặc không chạm vào nút trên bộ điều khiển trước của sản phẩm trong số giờ đã chọn để ngăn hiện tượng quá nóng.

- **Off** / **4 hours** / **6 hours** / **8 hours**

Temperature Control

MENU Ⅲ → **System** → **Temperature Control** → **ENTER** ↵

Tính năng này phát hiện nhiệt độ bên trong của sản phẩm. Bạn có thể chỉ định khoảng nhiệt độ có thể chấp nhận được.

Nhiệt độ mặc định được đặt là 77˚C.

Nhiệt độ được khuyến nghị cho **Temperature Control** là 75˚C ~ 80˚C (với điều kiện nhiệt độ xung quanh là 40˚C).

― Màn hình sẽ trở nên tối hơn nếu nhiệt độ hiện tại vượt quá ngưỡng nhiệt độ chỉ định. Nếu nhiệt độ tiếp tục tăng, sản phẩm sẽ tự động ngắt điện để ngăn chặn hiện tượng quá nóng.

Change PIN

MENU ▥ → **System** → **Change PIN** → **ENTER** ↵

Màn hình **Change PIN** sẽ xuất hiện.

Chọn 4 chữ số bất kỳ cho mã PIN và nhập vào **Enter a new PIN.**. Nhập lại cùng 4 chữ số vào **Enter the PIN again.**.

Khi màn hình Xác nhận biến mất, nhấn nút **Close**. Sản phẩm đã ghi nhớ mã PIN mới của bạn.

― Mật khẩu mặc định: 0 - 0 - 0 - 0

General

MENU ▥ → **System** → **General** → **ENTER** ↵

Security

Nhập số PIN gồm 4 chữ số. Số PIN mặc định là “0-0-0-0".

Nếu bạn muốn thay đổi số PIN, hãy sử dụng chức năng **Enter PIN**.

Safety Lock

Cài đặc chức năng khóa an toàn.

- **Off** / **On**

Tất cả các menu và nút của sản phẩm và điều khiển từ xa, trừ nút **LOCK** trên điều khiển từ xa, sẽ bị khóa bởi chức năng **Safety Lock**.

Để mở khóa các menu và nút, hãy nhấn nút **LOCK** rồi nhập mật khẩu (mật khẩu mặc định: 0 - 0 - 0 - 0).

Button Lock

Có thể sử dụng menu này để khoá các nút trên sản phẩm.

Chỉ điều khiển từ xa mới có thể điều khiển sản phẩm nếu **Button Lock** được đặt thành **On**.

- **Off** / **On**

HDMI Hot Plug

Tính năng này được sử dụng để kích hoạt độ trễ thời gian để bật thiết bị nguồn DVI/HDMI.

- **Off** / **On**

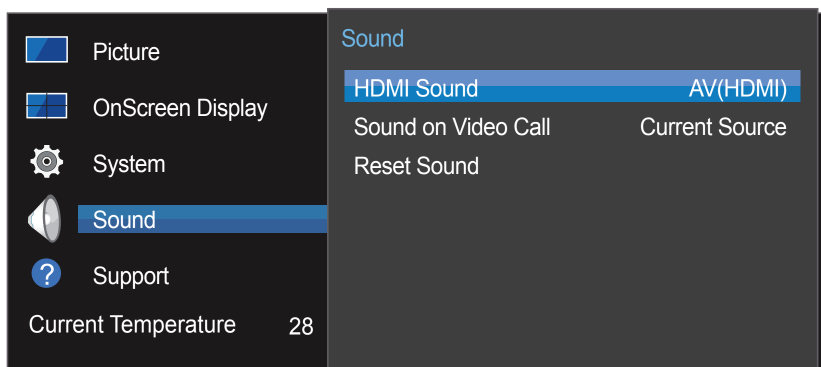
Reset System

MENU ▥ → **System** → **Reset System** → **ENTER** ↵

Tùy chọn này đổi cài đặt hiện tại trong Hệ thống về cài đặt xuất xưởng mặc định.

Chương 09
Điều chỉnh âm thanh

Đặt cấu hình cài đặt âm thanh (**Sound**) cho sản phẩm.



― Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

HDMI Sound

MENU ▥ → **Sound** → **HDMI Sound** → **ENTER** ↵

Chọn nghe từ **AV(HDMI)** hay **PC(DVI)**.

- **AV(HDMI)** / **PC(DVI)**

Sound on Video Call

MENU ▥ → **Sound** → **Sound on Video Call** → **ENTER** ↵

Chọn đầu ra âm thanh để nghe trong cuộc gọi video.

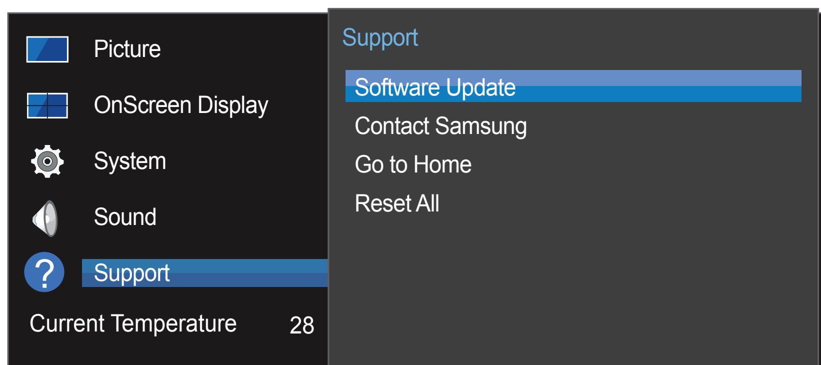
- **Current Source** / **Video Call**

Reset Sound

MENU ▥ → **Sound** → **Reset Sound** → **ENTER** ↵

Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy. Đặt lại tất cả cài đặt âm thanh về mặc định ban đầu.

Chương 10
Hỗ trợ



― Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

Software Update

MENU ▥ → **Support** → **Software Update** → **ENTER** ↵

Menu **Software Update** cho phép bạn nâng cấp phần mềm sản phẩm của mình lên phiên bản mới nhất.

― Cẩn thận để không tắt nguồn cho đến khi hoàn thành nâng cấp. Sản phẩm sẽ tự động tắt và bật sau khi hoàn thành nâng cấp phần mềm.

― Khi bạn nâng cấp phần mềm, tất cả các cài đặt video và âm thanh bạn đã thực hiện sẽ trở về cài đặt mặc định của chúng. Chúng tôi khuyên bạn nên ghi lại cài đặt của mình để bạn có thể dễ dàng đặt lại chúng sau khi nâng cấp.

Contact Samsung

MENU ▥ → **Support** → **Contact Samsung** → **ENTER** ↵

Xem thông tin này khi sản phẩm của bạn không hoạt động đúng hoặc khi bạn muốn nâng cấp phần mềm.

Bạn có thể tìm thấy thông tin về trung tâm cuộc gọi của chúng tôi và cách tải xuống sản phẩm và phần mềm.

― **Contact Samsung** rồi tìm sản phẩm **Model Code** và **Software Version**.

Go to Home

Có thể truy cập bằng nút **HOME** ⌂ trên điều khiển từ xa.

MENU Ⅲ → **Support** → **Go to Home** → **ENTER** ⏎

Tham khảo chương "Tính năng trên màn hình chính" để biết chi tiết về các mục menu phụ.

Go to Home để phát nhiều nội dung từ thiết bị bộ nhớ hoặc mạng đã kết nối.

Video Wall

Tùy chỉnh bố cục của nhiều màn hình được kết nối để tạo nên một tường video.

Hơn nữa, hiển thị một phần toàn bộ hình ảnh hoặc lặp lại cùng một hình ảnh trên mỗi màn hình được kết nối với nhau.

Để hiển thị nhiều hình ảnh, hãy tham khảo Trợ giúp MDC hoặc hướng dẫn người dùng MagicInfo. Một số mẫu không hỗ trợ tính năng MagicInfo.

Picture Mode

Hãy chọn một chế độ hình ảnh (**Picture Mode**) phù hợp với môi trường nơi sản phẩm sẽ được sử dụng.

On/Off Timer

― Bạn phải cài đặt đồng hồ trước khi có thể sử dụng **On/Off Timer**.

Cài đặt **On Timer** để sản phẩm của bạn tự động bật vào giờ và ngày mà bạn chọn.

Nguồn tắt với âm lượng hoặc nguồn vào đã xác định.

Network Settings

Xem cài đặt mạng.

MagicInfo Player I

Thay đổi nguồn thành **MagicInfo Player I**.

MagicInfo Player I xuất bản và phát nhiều nội dung, bao gồm cả nội dung đã tạo và nội dung đa phương tiện (hình ảnh, video và nội dung âm thanh) từ máy chủ hoặc thiết bị được kết nối.

ID Settings

Gán một ID cho máy.

Nhấn ▲/▼ để chọn một số và nhấn ⏎.

More settings

Trình đơn cài đặt hình ảnh sẽ xuất hiện.

Reset All

MENU Ⅲ → **Support** → **Reset All** → **ENTER** ⏎

Tùy chọn này đổi toàn bộ cài đặt hiện tại cho một màn hình về cài đặt xuất xưởng mặc định.

Chương 11
Hướng dẫn xử lý sự cố

Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung

Trước khi gọi điện tới Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung, hãy kiểm tra sản phẩm như sau. Nếu vẫn còn vấn đề, hãy liên hệ Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

Kiểm tra sản phẩm

Kiểm tra xem sản phẩm có hoạt động bình thường không bằng cách sử dụng tính năng kiểm tra sản phẩm.

Nếu màn hình bị trống khi đèn LED nhấp nháy mặc dù sản phẩm vẫn được kết nối đúng với PC, hãy thực hiện kiểm tra sản phẩm.

1 Tắt nguồn máy tính và sản phẩm.

2 Ngắt kết nối toàn bộ cáp khỏi sản phẩm.

3 Bật nguồn sản phẩm.

4 Nếu **No Signal** được hiển thị, sản phẩm vẫn hoạt động bình thường.

Nếu màn hình bị trống, hãy kiểm tra hệ thống PC, bộ điều khiển video và cáp.

Kiểm tra độ phân giải và tần số

Not Optimum Mode sẽ được hiển thị vắn tắt nếu chọn một chế độ vượt quá độ phân giải được hỗ trợ (tham khảo Độ phân giải được hỗ trợ).

Kiểm tra những mục sau đây.

Vấn đề về lắp đặt (chế độ PC)

Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra kết nối cáp giữa sản phẩm và PC, và đảm bảo kết nối chắc chắn.
Bạn sẽ thấy các khoảng trống ở cả 4 cạnh của màn hình khi cáp HDMI hoặc HDMI-DVI được kết nối với sản phẩm và PC.	Các khoảng trống trên màn hình không liên quan đến sản phẩm.
	Máy tính hoặc card màn hình không gây nên các khoảng trống trên màn hình. Để giải quyết vấn đề này, hãy điều chỉnh kích thước màn hình trong các cài đặt HDMI hoặc DVI cho card màn hình.
	Nếu trình đơn cài đặt card màn hình không có tùy chọn để điều chỉnh kích thước màn hình, hãy cập nhật trình điều khiển card màn hình sang phiên bản mới nhất. (Hãy liên hệ với nhà sản xuất card màn hình hoặc máy tính để biết thêm thông tin chi tiết về cách điều chỉnh cài đặt màn hình.)
PC được hiển thị trong Source khi PC không được kết nối.	**PC** luôn được hiển trị trong **Source** bất kể PC được kết nối hay chưa.

Vấn đề về màn hình

Đèn LED bị tắt. Màn hình không bật.	Đảm bảo rằng dây nguồn được kết nối.
No Signal được hiển thị trên màn hình.	Kiểm tra xem sản phẩm có kết nối đúng với cáp chưa.
	Kiểm tra xem thiết bị kết nối với với sản phẩm có bật không.
Not Optimum Mode được hiển thị.	Thông báo được hiển thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa.
	Tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn và cài đặt độ phân giải và tần số tối đa theo thông số sản phẩm.
Hình ảnh trên màn hình bị biến dạng.	Kiểm tra kết nối cáp với sản phẩm.

Vấn đề về màn hình

Màn hình không rõ. Màn hình bị mờ.	Điều chỉnh **Coarse** và **Fine**.
	Gỡ bỏ bất kỳ thiết bị (cáp video nối dài v.v) và thử lại
	Cài đặt độ phân giải và tần số tới mức khuyến cáo.
Màn hình không ổn định và rung.	Kiểm tra xem độ phân giải và tần số của máy tính và card đồ họa có được cài đặt ở mức tương thích với sản phẩm hay không. Sau đó, thay đổi cài đặt màn hình nếu được yêu cầu bằng cách tham khảo Thông tin bổ sung về trình đơn sản phẩm và Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn.
Có bóng hoặc hình ảnh mờ còn lại trên màn hình.	
Màn hình quá sáng. Màn hình quá tối.	Điều chỉnh **Brightness** và **Contrast**.
Màu trắng trông không hẳn là trắng.	Đi tới **Picture** và điều chỉnh cài đặt **White Balance**.
Không có hình ảnh trên màn hình và đèn LED nhấp nháy trong mỗi 0.5 tới 1 giây.	Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng.
	Nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím và di chuyển chuột để quay lại màn hình trước.
Sản phẩm sẽ tự động tắt.	Đi tới **System** và đảm bảo **Sleep Timer** được đặt thành **Off**.
	Nếu PC được kết nối với sản phẩm, hãy kiểm tra trạng thái nguồn của PC.
	Đảm bảo cáp nguồn được kết nối đúng cách với sản phẩm và ổ cắm nguồn.
	Nếu không phát hiện thấy tín hiệu từ một thiết bị đã kết nối, sản phẩm sẽ tự động tắt sau 10 đến 15 phút.
Chất lượng hình ảnh của sản phẩm khác với cửa hàng đại lý nơi bán sản phẩm.	Sử dụng cáp HDMI để có chất lượng hình ảnh với độ phân giải cao (HD).

Vấn đề về màn hình

Hiển thị màn hình không bình thường.	Nội dung video mã hóa có thể khiến màn hình hiển thị bị lỗi ở các cảnh đặc trưng bởi các đối tượng di chuyển nhanh như sự kiện thể thao hoặc video hành động.
	Mức tín hiệu thấp hoặc chất lượng hình ảnh thấp có thể khiến màn hình hiển thị bị lỗi. Điều này không có nghĩa là sản phẩm bị hỏng.
	Một điện thoại di động trong bán kính 1 mét có thể tạo ra tĩnh điện trên các sản phẩm kỹ thuật số và analog.
Độ sáng và màu sắc không như bình thường.	Đi tới **Picture** và điều chỉnh các cài đặt màn hình như **Picture Mode**, **Color**, **Brightness** và **Sharpness**.
	Đi tới **System** và điều chỉnh cài đặt **Energy Saving**.
	Đặt lại cài đặt màn hình về cài đặt mặc định.
Các đường đứt quãng hiển thị trên cạnh của màn hình.	Nếu **Picture Size** được đặt thành **Screen Fit**, hãy thay đổi cài đặt thành **16:9**.
Các đường (đỏ, lục hoặc lam) hiển thị trên màn hình.	Các đường này hiển thị khi có lỗi trong DATA SOURCE DRIVER IC trên màn hình. Liên hệ với Trung tâm Dịch vụ Samsung để giải quyết sự cố.
Màn hình không ổn định, rồi sau đó treo.	Màn hình có thể treo khi sử dụng độ phân giải không phải là độ phân giải được khuyên dùng hoặc nếu tín hiệu không ổn định. Để giải quyết sự cố, thay đổi độ phân giải PC thành độ phân giải được khuyên dùng.
Màn hình không thể hiển thị ở chế độ toàn màn hình.	Tệp nội dung SD được chia tỷ lệ (4:3) có thể tạo ta các thanh màu đen ở cả hai bên của màn hình kênh HD.
	Một video với tỷ lệ khung hình khác với sản phẩm có thể tạo ra các thanh màu đen ở đầu và cuối màn hình.
	Thay đổi cài đặt kích thước màn hình về chế độ toàn màn hình trên sản phẩm hoặc thiết bị nguồn.

Vấn đề về âm thanh

Không có âm thanh.	Kiểm tra kết nối của cáp âm thanh hoặc điều chỉnh âm lượng.
	Kiểm tra âm lượng.
Âm lượng quá nhỏ.	Điều chỉnh âm lượng.
	Nếu âm lượng vẫn nhỏ sau khi bật âm lượng đến mức tối đa, hãy điều chỉnh âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm.
Video khả dụng nhưng không có âm thanh.	Nếu cáp HDMI được kết nối, hãy kiểm tra cài đặt đầu ra âm thanh trên PC.
	Nếu sử dụng thiết bị nguồn • Hãy đảm bảo rằng cáp âm thanh được kết nối đúng cách với cổng đầu vào âm thanh trên sản phẩm. • Kiểm tra cài đặt đầu ra âm thanh cho thiết bị nguồn. (Ví dụ: nếu cáp HDMI được kết nối với màn hình, có thể cần thay đổi cài đặt âm thanh cho hộp cáp về HDMI).
	Nếu sử dụng cáp DVI-HDMI, cáp âm thanh riêng biệt được yêu cầu.
	Nếu sản phẩm có cổng tai nghe, hãy đảm bảo cổng đó không kết nối với thiết bị nào.
	Kết nối lại cáp nguồn với thiết bị, rồi sau đó khởi động lại thiết bị.
Có tạp âm phát ra từ loa.	Kiểm tra kết nối cáp. Đảm bảo cáp video không kết nối với cổng đầu vào âm thanh.
	Kiểm tra cường độ tín hiệu sau khi kết nối cáp.
	Mức tín hiệu thấp có thể làm cho âm thanh bị lỗi.
Có âm thanh nghe được khi tắt âm lượng.	Điều chỉnh âm lượng cho loa ngoài.
	Cài đặt âm thanh cho loa chính khác với loa trong trên sản phẩm. Việc thay đổi hoặc tắt tiếng trên sản phẩm không ảnh hưởng đến bộ khuếch đại ngoài (trình giải mã).

Vấn đề với điều khiển từ xa

Điều khiển từ xa không hoạt động.	Đảm bảo rằng pin được đặt đúng chỗ (+/-).
	Kiểm tra xem pin đã hết hay không.
	Kiểm tra liệu không có điện.
	Đảm bảo rằng dây nguồn được kết nối.
	Kiểm tra xem có bóng đèn đặc biệt hay ánh đèn neon gần đó hay không.

Vấn đề với thiết bị nguồn

Nghe thấy tiếng bíp khi khởi động máy tính.	Nếu bạn nghe thấy âm thanh bíp khi PC khởi động, hãy đem PC đi bảo dưỡng.

Sự cố khác

Sản phẩm có mùi nhựa.	Mùi nhựa là bình thường và sẽ biến mất qua thời gian.
Màn hình bị nghiêng.	Tháo, rồi sau đó gắn lại chân đế vào sản phẩm.
Âm thanh hoặc video bị cắt từng đợt.	Kiểm tra kết nối cáp và kết nối lại nếu cần.
	Sử dụng cáp rất dày và cứng có thể làm hỏng tệp video và âm thanh. Đảm bảo cáp dẻo đủ để đảm bảo độ bền. Khi lắp sản phẩm vào tường, nên sử dụng cáp vuông góc.
Các hạt nhỏ xuất hiện trên cạnh của sản phẩm.	Các hạt này là một phần của thiết kế sản phẩm. Sản phẩm không bị hỏng.
Khi tôi cố thay đổi độ phân giải PC, thông báo "Mode not Supported" xuất hiện.	Thông báo "**Mode not Supported**" xuất hiện nếu độ phân giải nguồn đầu vào vượt quá độ phân giải tối đa của màn hình. Để giải quyết sự cố này, hãy thay đổi độ phân giải PC thành độ phân giải được hỗ trợ trên màn hình.
Không có âm thanh từ loa trong chế độ HDMI khi cáp DVI-HDMI được kết nối.	Cáp DVI không truyền dữ liệu âm thanh. Đảm bảo kết nối cáp âm thanh với đúng giắc đầu vào để tạo ra âm thanh.
HDMI Black Level không hoạt động đúng cách trên thiết bị HDMI với đầu ra YCbCr.	Chức năng này khả dụng chỉ khi một thiết bị nguồn, chẳng hạn như đầu phát DVD và STB, được kết nối với sản phẩm qua cáp HDMI (tín hiệu RGB).
Không có âm thanh trong chế độ HDMI.	Màu sắc hình ảnh được hiển thị có thể không như bình thường. Video hoặc âm thanh có thể không có. Điều này có thể xảy ra nếu thiết bị nguồn chỉ hỗ trợ phiên bản cũ của tiêu chuẩn HDMI kết nối với sản phẩm. Nếu những sự cố này xảy ra, hãy kết nối cáp âm thanh cùng với cáp HDMI.
	Một số thẻ đồ họa PC có thể không tự động nhận ra tín hiệu HDMI mà không bao gồm âm thanh. Trong trường hợp này, hãy chọn thủ công đầu vào âm thanh.

	Đầu vào âm thanh	Chế độ màn hình
PC	Tự động	Cài đặt PC
PC DVI	Âm thanh trong (Cổng Streo)	Cài đặt PC

Sự cố khác

HDMI-CEC không hoạt động.	Sản phẩm này không hỗ trợ tính năng HDMI-CEC. Để sử dụng một số thiết bị ngoại vi tương thích với tính năng HDMI-CEC được kết nối với các cổng HDMI1, HDMI2 và HDMI3 trên sản phẩm, hãy tắt tính năng HDMI-CEC trên tất cả các thiết bị ngoại vi. Thiết bị ngoại vi bao gồm đầu phát Blu-ray và DVD. Vận hành thiết bị ngoại vi khi tính năng HDMI-CEC của thiết bị đã được bật có thể tự động dừng các thiết bị ngoại vi khác. Để thay đổi cài đặt HDMI-CEC, hãy tham khảo hướng dẫn người dùng thiết bị hoặc liên hệ với nhà sản xuất thiết bị để được trợ giúp.
Cảm biến IR không hoạt động.	Đảm bảo đèn cảm biến bật khi nhấn nút trên điều khiển từ xa.
	• Nếu đèn cảm biến không bật, hãy tắt công tắc nguồn, rồi sau đó bật lại ở mặt sau sản phẩm. (Đèn LED của nguồn phát sáng màu đỏ khi tắt màn hình). Nếu đèn cảm biến vẫn không bật sau khi tắt công tắc nguồn và bật lại, giắc cắm bên trong có thể bị ngắt kết nối. Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần bạn nhất để bảo trì sản phẩm.
	• Nếu đèn cảm biến ở trên không lóe sáng màu đỏ khi nhấn nút trên điều khiển từ xa thì cảm biến IR có thể bị hỏng. Liên hệ với trung tâm dịch vụ gần bạn nhất để bảo trì sản phẩm.
	• Chức năng này khả dụng chỉ khi một thiết bị nguồn, chẳng hạn như đầu phát DVD và STB, được kết nối với sản phẩm qua cáp HDMI (tín hiệu RGB).
Khi khởi động PC với nguồn đầu vào được đặt thành DisplayPort, màn hình khởi động và BIOS sẽ không hiển thị.	• Khởi động PC khi thiết bị được bật hoặc khi nguồn đầu vào không phải là **DisplayPort**.

Hỏi & Đáp

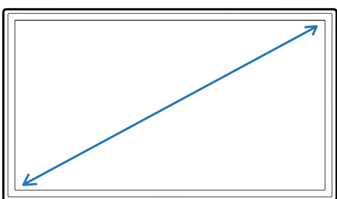
Câu hỏi	Trả lời
Làm thế nào để thay đổi tần số?	Đặt tần số trên card màn hình. • Windows XP: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Giao diện và chủ đề** → **Hiển thị** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows ME/2000: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình**, và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows Vista: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows 7: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows 8: Vào **Thiết đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh tần số trong **Thiết đặt màn hình**.
Làm thế nào để điều chỉnh độ phân giải?	• Windows XP: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và chủ đề** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows ME/2000: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows Vista: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows 7: Vào **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows 8: Vào **Thiết đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** và điều chỉnh độ phân giải.

― Tham khảo sách hướng dẫn sử dụng cho máy tính hoặc card đồ họa của bạn để biết thêm các hướng dẫn về điều chỉnh.

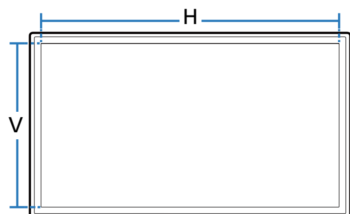
Câu hỏi	Trả lời
Làm thế nào để cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng?	• Windows XP: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows ME/2000: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows Vista: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh**→ **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows 7: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows 8: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong **Thiết đặt** → **Pa-nen điều khiển** → **Giao diện và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt bảo vệ màn hình** hoặc BIOS SETUP trên PC.

Chương 12
Các thông số kỹ thuật

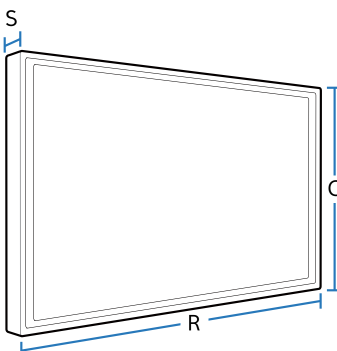
- Kích thước



- Vùng hiển thị



- Kích thước (R x C x S)



Thông số chung

Tên môđen		UD46E-A	UD46E-C
Màn hình	**Kích thước**	Loại 46 (45,9 inch / 116,8 cm)	Loại 46 (45,9 inch / 116,8 cm)
	Vùng hiển thị	1018,08 mm (H) x 572,67 mm (V)	1018,08 mm (H) x 572,67 mm (V)
Kích thước (R x C x S)		1022,1 x 576,6 x 97,4 mm	1024 x 578,6 x 113,6 mm
Trọng lượng (không có chân đế)		18 kg	18,3 kg

Tên môđen		UD46E-B	UD55E-B
Màn hình	**Kích thước**	Loại 46 (45,9 inch / 116,8 cm)	Loại 55 (54,6 inch / 138,7 cm)
	Vùng hiển thị	1018,08 mm (H) x 572,67 mm (V)	1209,6 mm (H) x 680,4 mm (V)
Kích thước (R x C x S)		1022,1 x 576,6 x 97,4 mm	1213,5 x 684,3 x 96,6 mm
Trọng lượng (không có chân đế)		18 kg	23,3 kg

Nguồn điện		AC 100 đến 240 VAC (+/- 10 %), 60 / 50 Hz ± 3 Hz Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.
Các yếu tố môi trường	**Vận hành**	Nhiệt độ: 0 ˚C - 40 ˚C (32 ˚F - 104 ˚F) Độ ẩm : 10 % – 80 %, không ngưng tụ
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20 ˚C - 45 ˚C (-4 ˚F - 113 ˚F) Độ ẩm : 5 % – 95 %, không ngưng tụ

― Cắm và Chạy

Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình.

Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.

― Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.

― Thiết bị này là thiết bị kỹ thuật số Hạng A.

Trình tiết kiệm năng lượng

Tính năng tiết kiệm năng lượng của sản phẩm này làm giảm sức tiêu thụ điện năng bằng cách tắt màn hình và đổi màu của đèn LED nếu không sử dụng sản phẩm trong một khoảng thời gian nhất định. Sản phẩm không được tắt trong chế độ tiết kiệm năng lượng. Để bật lại màn hình, hãy nhấn bất kì phím nào trên bàn phím hoặc di chuyển chuột. Tính năng tiết kiệm năng lượng chỉ hoạt động khi sản phẩm được kết nối với PC với tính năng tiết kiệm năng lượng.

Trình tiết kiệm năng lượng		Vận hành bình thường			Chế độ tiết kiệm năng lượng (Tín hiệu SOG : Không hỗ trợ chế độ DPM)	Tắt nguồn	Tắt nguồn (Công tắc nguồn)
		Đánh giá	Phổ biến	Tối đa			
Chỉ báo nguồn		Tắt			Nhấp nháy	Mở	Tắt
Lượng tiêu thụ điện năng	UD46E-A	170 W	128 W	187 W	Dưới 0,5 W	Dưới 0,5 W	0 W
	UD46E-C	130 W	93 W	143 W			
	UD46E-B	130 W	87 W	143 W			
	UD55E-B	180 W	136 W	198 W			

― Mức độ tiêu thụ năng lượng được hiển thị có thể khác nhau trong các điều kiện vận hành khác nhau hoặc khi thay đổi cài đặt.

― SOG (Sync On Green) không được hỗ trợ.

― Để giảm tiêu thụ năng lượng về 0, hãy tắt công tắc ở phía sau và ngắt kết nối cáp nguồn. Ngắt kết nối cáp nguồn nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong một thời gian dài (ví dụ trong khi bạn đi nghỉ v.v).

Các chế độ xung nhịp được đặt trước

― Có thể cài đặt sản phẩm này về một độ phân giải duy nhất cho mỗi kích thước màn hình để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu do đặc tính của tấm panel. Sử dụng độ phân giải khác độ phân giải được chỉ định có thể làm suy giảm chất lượng hình ảnh. Để tránh hiện tượng này, chúng tôi khuyên bạn nên chọn độ phân giải tối ưu được chỉ định cho sản phẩm của bạn.

― Kiểm tra tần số khi bạn đổi sản phẩm CDT (kết nối với máy tính) lấy màn hình LCD. Nếu sản phẩm LCD không hỗ trợ 85 Hz, hãy đổi tần số dọc tới 60 Hz sử dụng sản phẩm CDT trước khi bạn đổi sản phẩm để lấy sản phẩm LCD.

- Tần số quét ngang
  Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.
- Tần số quét dọc
  Sản phẩm hiển thị một hình ảnh nhiều lần trên một giây (như đèn huỳnh quang) để hiển thị những gì người xem nhìn thấy. Tỷ lệ một hình ảnh được hiển thị lặp lại trên một giây được gọi là tần số quét dọc hoặc tỷ lệ làm tươi. Tần số quét dọc được đo bằng Hz.

Tên môđen		**UD46E-A / UD46E-C / UD46E-B / UD55E-B**
Đồng bộ hóa	**Tần số quét ngang**	30 – 81 kHz, 30 – 134 kHz (DisplayPort), 30 – 90 kHz (HDMI)
	Tần số quét dọc	48 – 75 Hz, 56 – 75 Hz (DisplayPort), 24 – 75 Hz (HDMI)
Độ phân giải	RGB Analog, DVI(Giao diện số) tương thích số RGB	
	Độ phân giải tối ưu	1920 x 1080 @ 60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1920 x 1080 @ 60 Hz, 3840 x 2160 @ 60 Hz (HDMI1, HDMI2, DP)
Xung Pixel cực đại		148,5 MHz (Analog, Digital), 594 MHz (DisplayPort, HDMI)

Có thể tự động điều chỉnh màn hình nếu tín hiệu thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn sau được truyền từ PC. Nếu tín hiệu được truyền từ PC không thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn, màn hình có thể bị trống có đèn LED được bật. Trong trường hợp đó, hãy thay đổi cài đặt theo bảng sau đây bằng cách tham khảo sổ tay hướng dẫn sử dụng card màn hình.

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
VESA/IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 720	45,000	60,000	74,250	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Đồng hồ điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
VESA, 1366 x 768	47,712	59,790	85,500	+/-
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1600 x 900	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+
VESA, 2560 x 1440	88,787	59,951	241,500	+/-
VESA, 3840 x 2160	133,313	59,997	533,250	+/-
CEA, 3840 x 2160	67,500	30,000	297,000	+/+
CEA, 3840 x 2160	54,000	24,000	297,000	+/+
CEA, 3840 x 2160	56,250	25,000	297,000	+/+
CEA, 3840 x 2160	112,500	50,000	594,000	+/+

Chương 13
Phụ lục

Trách nhiệm đối với Dịch vụ thanh toán (Chi phí đối với khách hàng)

― Khi có yêu cầu dịch vụ, mặc dù đang trong thời gian bảo hành, chúng tôi có thể tính phí bạn đối với việc ghé thăm của kỹ thuật viên dịch vụ trong các trường hợp sau.

Không phải lỗi sản phẩm

Vệ sinh sản phẩm, Điều chỉnh, Giải thích, Cài đặt lại và v.v...

- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng sản phẩm hoặc chỉ điều chỉnh các tuỳ chọn mà không tháo rời sản phẩm.
- Nếu lỗi là do các yếu tố môi trường bên ngoài gây ra (Internet, Anten, Tín hiệu có dây, v.v...)
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại hoặc thiết bị được kết nối thêm sau khi cài đặt sản phẩm đã mua lần đầu tiên.
- Nếu sản phẩm được cài đặt lại để chuyển đến một địa điểm khác hoặc để chuyển đến nhà khác.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng do sản phẩm khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu hướng dẫn về cách sử dụng mạng hoặc chương trình khác của công ty.
- Nếu khách hàng yêu cầu thiết lập và cài đặt phần mềm cho sản phẩm.
- Nếu kỹ thuật viên dịch vụ loại bỏ/lau sạch bụi bẩn hoặc vật thể lạ bên trong sản phẩm.
- Nếu khách hàng yêu cầu cài đặt thêm sau khi mua sản phẩm thông qua mua hàng từ xa hoặc trực tuyến.

Hỏng hóc sản phẩm do lỗi của khách hàng

Hỏng hóc sản phẩm do khách hàng sử dụng hoặc sửa chữa không đúng cách.

Nếu hỏng hóc sản phẩm do;

- Tác động bên ngoài hoặc rơi.
- Sử dụng thiết bị hoặc sản phẩm bán riêng không được chỉ định bởi Samsung.
- Sửa chữa từ một người không phải là kỹ sư của công ty dịch vụ bên ngoài hoặc đối tác của Samsung Electronics Co., Ltd.
- Tu sửa hoặc sửa chữa sản phẩm bởi khách hàng.
- Sử dụng sản phẩm với kết nối điện áp không chính xác hoặc không được chỉ định.
- Không tuân thủ "thận trọng" trong Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Khác

- Nếu sản phẩm hỏng do thiên tai. (sét, hoả hoạn, động đất, lũ lụt, v.v...)
- Nếu các thành phần có thể thay thế được đều đã được sử dụng hết. (Pin, Chất liệu màu, Đèn huỳnh quang, Đầu đọc, Màng rung, Đèn, Bộ lọc, Ruy băng, v.v...)

― Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ trong trường hợp sản phẩm không bị lỗi, phí dịch vụ có thể được tính. Vì vậy, trước tiên hãy đọc Sổ tay hướng dẫn sử dụng.

Chất lượng hình ảnh tối ưu và ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh

Chất lượng hình ảnh tối ưu

- Do đặc điểm của quá trình sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.
  - Số điểm ảnh phụ tạo bởi kiểu bảng: 6.220.800
- Chạy **Auto Adjustment** để nâng cao chất lượng hình ảnh. Nếu vẫn thấy nhiễu sau khi điều chỉnh tự động, hãy điều chỉnh **Coarse** hoặc **Fine**.
- Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.
  - Kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng hoặc chế độ bảo vệ màn hình động nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong một khoảng thời gian dài.

Ngăn chặn hiện tượng lưu ảnh

Cài đặt kiểu giúp chống hiện tượng lưu ảnh trên màn hình

Kiểu giúp chống hiện tượng lưu ảnh trên màn hình hoạt động tự động trong chế độ chờ.

- Tắt kiểu giúp chống hiện tượng lưu ảnh trên màn hình
  Trên điều khiển từ xa, nhấn 2 → 2 → 7 → CH﹀ → 0.
  Nếu cảm biến điều khiển từ xa nhấp nháy một lần, kiểu sẽ được tắt.
- Bật kiểu giúp chống hiện tượng lưu ảnh trên màn hình
  Trên điều khiển từ xa, nhấn 2 → 2 → 7 → CH︿ → 0.
  Nếu cảm biến điều khiển từ xa nhấp nháy hai lần, kiểu sẽ được bật.

― Khi màn hình bị tắt, kiểu giúp chống hiện tượng lưu ảnh trên màn hình sẽ hoạt động trong hai giờ.

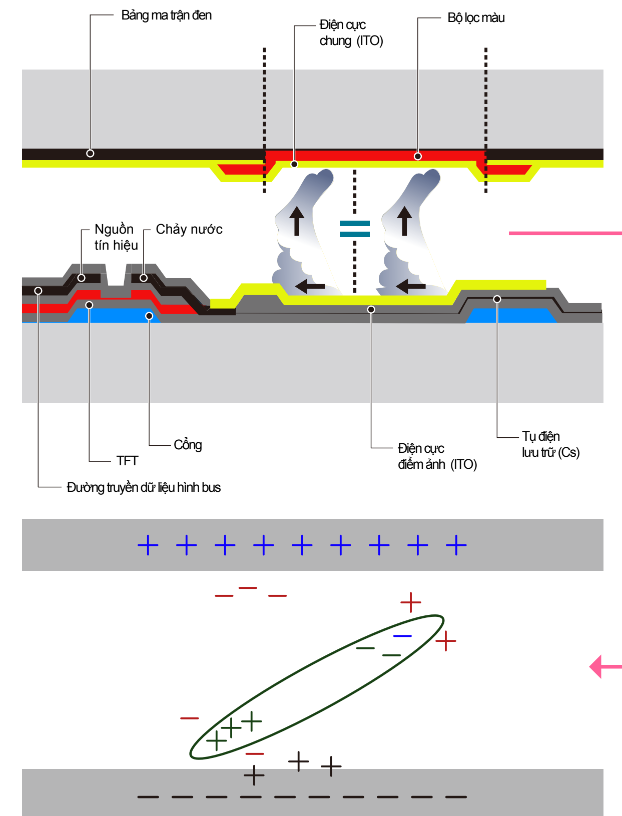
― Việc duy trì kiểu giúp chống hiện tượng lưu ảnh trên màn hình sẽ tiêu thụ nhiều điện năng hơn.

Hiện tượng lưu ảnh là gì?

Hiện tượng lưu ảnh sẽ không xuất hiện khi bảng điều khiển LCD hoạt động bình thường. Hoạt động bình thường có nghĩa là kiểu ảnh video thay đổi liên tục. Nếu bảng điều khiển LCD chỉ hiển thị một kiểu ảnh trong một thời gian dài (hơn 12 tiếng), sự chênh lệch điện áp nhỏ có thể xảy ra giữa các điện cực điểm ảnh điều khiển tinh thể lỏng.

Sự chênh lệch điện áp giữa các điện cực đó sẽ tăng dần theo thời gian và làm cho tinh thể lỏng mỏng dần đi. Khi hiện tượng này xảy ra, hình ảnh trước đó có thể vẫn được hiển thị trên màn hình khi kiểu hình ảnh thay đổi. Để tránh hiện tượng này, phải làm giảm sự chênh lệch điện thế tích lũy.

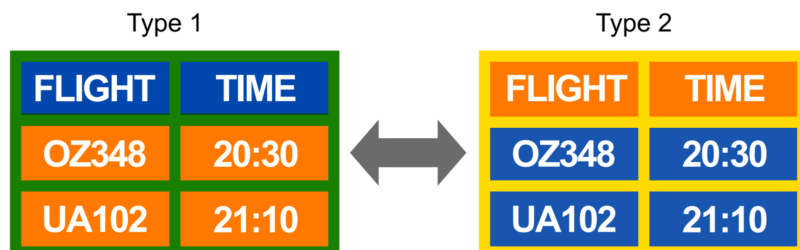
― Hiện tượng lưu ảnh sẽ không xuất hiện khi bảng điều khiển LCD hoạt động bình thường.



Tránh hiện tượng lưu ảnh

― Cách tốt nhất để bảo vệ sản phẩm khỏi hiện tượng lưu ảnh là tắt nguồn hoặc cài đặt cho PC hoặc hệ thống chạy màn hình chờ khi không sử dụng sản phẩm. Đồng thời, dịch vụ Bảo hành cũng chỉ giới hạn tùy theo hướng dẫn lắp đặt.

- Tắt nguồn, Chế độ bảo vệ màn hình và Chế độ tiết kiệm năng lượng
  - Tắt nguồn điện trong khoảng 2 tiếng sau khi bạn sử dụng sản phẩm được 12 tiếng.
  - Đi tới Thuộc tính màn hình > Nguồn điện trên máy tính và tắt nguồn sản phẩm theo yêu cầu.
  - Bạn nên sử dụng màn hình chờ.
    Tốt nhất nên sử dụng chế độ bảo vệ màn hình đơn màu hoặc có hình ảnh chuyển động.
- Thay đổi màu sắc thông thường
  - Sử dụng 2 màu
    Cứ 30 phút lại thay đổi giữa 2 màu sắc như hình vẽ ở trên.



- Tránh kết hợp màu văn bản và màu nền có độ sáng tương phản.
  (Độ sáng: là độ sáng hoặc độ tối của một màu thay đổi tùy theo lượng ánh sáng được phát ra.)

― Tránh sử dụng màu xám vì điều này có thể góp phần tạo ra hiện tượng lưu ảnh.

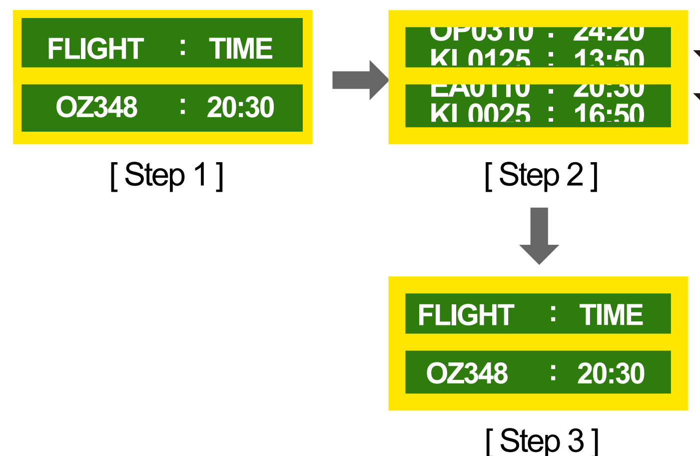
― Tránh sử dụng màu sắc có độ sáng tương phản (màu đen và trắng; màu xám).



- Thay đổi đều đặn màu sắc văn bản
  - Sử dụng màu sáng có độ sáng tương tự nhau.
    Khoảng cách: Cứ 30 phút lại thay đổi màu văn bản và màu nền



  - Cứ 30 phút lại di chuyển và thay đổi văn bản như hình vẽ dưới đây.



  - Hiển thị hình ảnh động đều đặn cùng với logo.
    Khoảng cách: Hiển thị hình ảnh động cùng với logo trong vòng 60 giây sau khi bạn sử dụng sản phẩm được 4 tiếng.

License

	The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing LLC in the United States and other countries.

Thuật ngữ

480i / 480p / 720p / 1080i / 1080p____ Mỗi tốc độ quét ở trên nói đến số lượng đường quét có hiệu quả quyết định độ phân giải của màn hình. Tốc độ quét có thể được thể hiện bằng i (quét xen kẽ) hoặc p (quét liên tục), tuỳ thuộc vào phương pháp quét.

-Quét

Quét là quá trình gửi điểm ảnh đi để tạo nên hình ảnh liên tục. Một số lượng lớn điểm ảnh sẽ mang lại hình ảnh rõ nét và sinh động hơn.

-Quét liên tục

Ở chế độ quét liên tục, tất cả các đường điểm ảnh được quét lần lượt (liên tục) trên màn hình.

-Quét xen kẽ

Ở chế độ quét xen kẽ, mỗi đường điểm ảnh sẽ được quét từ đầu đến cuối màn hình, sau đó các đường chưa được quét còn lại sẽ được quét.

Chế độ quét không xen kẽ và chế độ quét xen kẽ____ Chế độ quét không xen kẽ (quét liên tục) hiển thị đường ngang từ đầu đến cuối màn hình một cách liên tục. Chế độ quét xen kẽ hiển thị các đường có thứ tự lẻ trước và sau đó hiển thị các đường có số thứ tự chẵn. Chế độ không xen kẽ chủ yếu được sử dụng ở màn hình vì nó tạo ra độ rõ nét cho màn hình và chế độ xen kẽ chủ yếu được sử dụng ở TV.

Khoảng cách điểm____ Màn hình bao gồm các điểm màu đỏ, xanh lục và xanh lam. Khoảng cách ngắn giữa các điểm tạo nên độ phân giải cao. Khoảng cách điểm tức là khoảng cách ngắn nhất giữa các điểm của cùng một màu. Khoảng cách điểm được đo bằng mili mét.

Tần số dọc____ Sản phẩm hiển thị một hình ảnh duy nhất nhiều lần trong một giây (giống như ánh sáng huỳnh quang nhấp nháy) nhằm hiển thị hình ảnh cho người xem nhìn. Tỷ lệ một hình ảnh được hiển thị lặp lại trên một giây được gọi là tần số quét dọc hoặc tỷ lệ làm tươi. Tần số quét dọc được đo bằng Hz.

Ví dụ: 60 Hz có nghĩa là một hình ảnh duy nhất được hiển thị 60 lần trong 1 giây.

Tần số ngang____ Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.

Nguồn____ Nguồn tín hiệu đầu vào là thiết bị nguồn video được kết nối với sản phẩm chẳng hạn như máy quay video xách tay, máy chạy DVD hoặc video.

Cắm và chạy____ Cắm và chạy là một chức năng cho phép sự trao đổi thông tin tự động giữa một màn hình và PC để tạo ra môi trường hiển thị tối ưu. Sản phẩm sử dụng VESA DDC (tiêu chuẩn quốc tế) để chạy chức năng Cắm & Chạy.

Độ phân giải____ Độ phân giải là số lượng điểm ngang (điểm ảnh) và .số lượng điểm dọc (điểm ảnh) tạo nên màn hình Nó biểu thị mức độ chi tiết của màn hình hiển thị. Độ phân giải cao cho phép nhiều dữ liệu được hiển thị trên màn hình hơn và độ phân giải cao rất hữu ích cho việc thực hiện đồng thời nhiều tác vụ

Ví dụ, độ phân giải 1920x 1080 bao gồm 1,920 điểm ảnh ngang (độ phân giải ngang) và 1,080 điểm ảnh dọc (độ phân giải dọc).

DVD (Đĩa Kỹ thuật số Đa năng)____ DVD là một đĩa lưu trữ dữ liệu lớn có kích thước bằng đĩa CD, trong đó bạn có thể lưu các ứng dụng đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh hoặc trò chơi) bằng cách sử dụng công nghệ nén video MPEG-2.

HDMI (Giao diện đa phương tiện độ phân giải cao)____ Đó là giao diện có thể được kết nối với nguồn âm thanh kĩ thuật số và nguồn video có độ phân giải cao bằng cách sử dụng một cáp đơn không nén.

Điều khiển đa màn hình (MDC)____ MDC (Điều khiển đa màn hình) là một ứng dụng cho phép bạn điều khiển nhiều thiết bị hiển thị cùng một lúc bằng cách sử dụng một máy tính cá nhân (PC) Khi bạn sử dụng cáp RS232C (truyền dữ liệu nối tiếp) và cáp RJ45 (LAN) thì sẽ có sự truyền thông tin giữa PC và màn hình.